

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

**BÁO CÁO TỔNG HỢP**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**  
**HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024**

NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM  
ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH  
PHỐ HÀ NỘI

MÃ SỐ: 13.01.24.I.06

**Tổ chức chủ trì:** Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

**Chủ nhiệm đề tài:** Lâm Văn Thái Lộc

Hà Nội - 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

**BÁO CÁO TỔNG HỢP**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**  
**HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024**

NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM  
ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH  
PHỐ HÀ NỘI

MÃ SỐ: 13.01.24.I.06

Chủ nhiệm đề tài

Lâm Văn Thái Lộc

Trường Đại học  
Tài nguyên và Môi trường Hà Nội  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Trinh

Hà Nội - 2024

## THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Nghiên cứu pháp luật hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam từ liêm, thành phố Hà Nội
- Mã số: 13.01.24.I.06
- Chủ nhiệm đề tài: Lâm Văn Thái Lộc
- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- Thời gian thực hiện: năm 2024

**2. Mục tiêu:** Đề tài sẽ làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam, đánh giá thực trạng các quy định pháp luật hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, đồng thời đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**3. Tính mới và sáng tạo:** Đề tài đánh giá được hiệu quả áp dụng các quy định của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### 4. Kết quả nghiên cứu:

- Thông qua việc nghiên cứu một số vấn đề lý luận về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tác giả đã xác định được khái niệm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, phân tích các dấu hiệu pháp lý cũng như các khung hình phạt của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Tác giả đã tìm hiểu quá trình phát triển của các quy định pháp luật hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua các giai đoạn từ thời kỳ trước khi ban hành BLHS năm 1985; thời kỳ từ khi ban hành BLHS năm 1999 và quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Đánh giá được thực trạng các quy định pháp luật hình sự hiện hành về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng việc phân tích những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Trên cơ sở số liệu đã phân tích, tác giả đã nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bao gồm: những kết quả đạt được, một số hạn chế,

bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập để từ đó làm tiền đề cho việc đưa ra định hướng hoàn thiện, giải pháp hoàn thiện và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, tác giả đã đề xuất một số định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**5. Sản phẩm:** Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài, 01 công bố khoa học

**6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:**

\* Phương thức chuyển giao:

- Kết quả của đề tài sẽ được chuyển giao toàn bộ cho bộ môn Pháp luật thuộc khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để phục vụ cho việc đào tạo;

- Sản phẩm của đề tài sẽ được chuyển toàn bộ cho Trung tâm Thư viện và Công nghệ Thông tin để lưu trữ và làm tài liệu tham khảo cho cán bộ giảng viên và người học.

\* Địa chỉ ứng dụng: trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

\* Lợi ích của đề tài:

a) Tác động đến xã hội: Đề tài là tài liệu tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách pháp luật, các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án hình sự liên quan đến Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, là tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng đào tạo ngành luật.

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học : Thông qua việc thực hiện nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu pháp luật hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội”, tác giả không chỉ có cơ hội được nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học mà còn tích lũy thêm nhiều kiến thức liên quan đến Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, góp phần phục vụ tốt cho công tác giảng dạy.

## **INFORMATION ON RESEARCH RESULTS**

### **1. General information:**

Project title: Criminal law research on the crime of fraudulent appropriation of property in Nam Tu Liem district, Hanoi city

Code number: 13.01.24.I.06

Coordinator: Lam Van Thai Loc

Implementing institution: Ha Noi University of Natural Resources and Environment

Duration: 2024

**2. Objective(s):** The topic will clarify some theoretical issues about the crime of fraudulent appropriation of property according to Vietnamese criminal law, and evaluate the current criminal law provisions on the crime of fraudulent appropriation of property and practice. Implemented in Nam Tu Liem district, Hanoi city, and at the same time provide several solutions to improve the law on property appropriation fraud and the effectiveness of applying the law on fraud. Appropriated property in Nam Tu Liem district, Hanoi city.

**3. Creativeness and innovativeness:** The project evaluates the effectiveness of applying the provisions of the crime of fraudulent appropriation of property in the Penal Code 2015 (amended and supplemented in 2017) in Nam Tu Liem district, Hanoi City.

### **4. Research results:**

- Through studying several theoretical issues about the crime of property fraud, the author has identified the concept of property fraud and analyzed legal signs as well as penalty frames of the crime of fraudulent appropriation of property.

- The author has studied the development process of criminal law provisions on the crime of fraudulent appropriation of property through stages from the period before the promulgation of the Penal Code in 1985; The period from the enactment of the Penal Code in 1999 and the provisions of the Penal Code in 2015 (amended and supplemented in 2017) on the crime of fraudulent appropriation of property.

- Evaluate the current status of the current criminal law regulations on the crime of fraudulent appropriation of property by analyzing the problems in the process of applying the law. Based on analyzed data, the author has researched the practical application of criminal law provisions on the crime of fraudulent appropriation of property in Nam Tu Liem district, Hanoi city including achieved results, some limitations, inadequacies, and causes of limitations and inadequacies, thereby serving as a premise for providing directions for improvement, solutions to improve and solutions to improve the effectiveness of applying the methods. Provisions of criminal law for the crime of fraudulent appropriation of property.

- Based on the assessment of the current situation of criminal law provisions on the crime of fraudulent appropriation of property and enforcement practices in Nam Tu Liem district, Hanoi city, the author has proposed several definitions. Directions and solutions to improve the provisions of current criminal law on the crime of property appropriation by fraud.

**5. Products:** Summary report, Summary report on research results of the topic, 01 scientific publication

**6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:**

\* Transfer method:

- The results of the project will be transferred entirely to the Department of Law under the Faculty of Political Theory, Hanoi University of Natural Resources and Environment to serve training;

- All products of the project will be transferred to the Center for Library and Information Technology to store and serve as reference materials for lecturers and learners.

\* Application address: agencies conducting proceedings; Universities and colleges offering Law training.

\* Benefits of the topic:

a) Impact on society: The topic is a reference document for legal policy makers and litigation agencies in resolving criminal cases related to property appropriation fraud

and is a document serving the public. Teaching, learning, and scientific research in universities and colleges offering law training.

b) Improve the research capacity of organizations and individuals through participating in research projects and university training: Through researching the topic "Criminal law research on the crime of fraudulent appropriation of property in Nam Tu Liem district, Hanoi city", the author not only has the opportunity to improve his ability to scientific research but also accumulate more knowledge related to the crime of fraud and appropriation of property, contributing to good teaching work.

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU</b> .....	3
<b>CHƯƠNG 2: PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b> ..	9
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH</b> .....	11
3.1. Khái niệm của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam .....	11
3.2. Dấu hiệu pháp lý Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam .....	16
3.2.1. <i>Khách thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản</i> .....	16
3.2.2. <i>Mặt khách quan của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản</i> .....	20
3.2.3. <i>Chủ thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản</i> .....	23
3.2.4. <i>Mặt chủ quan của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản</i> .....	24
3.3. Hình phạt áp dụng đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam .....	25
3.4. Phân biệt Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với một số tội xâm phạm sở hữu khác .....	31
3.4.1. <i>Phân biệt Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản</i> .....	31
3.4.2. <i>Phân biệt Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với Tội sử dụng trái phép tài sản</i> .....	33
3.5. Sự cần thiết quy định Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam .....	34
Kết luận chương 3 .....	37
<b>CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b> .....	38
4.1. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản .....	38
4.1.1. <i>Các quy định của pháp luật về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015</i> .....	38



4.1.2. Quy định pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) .....	43
4.2. Thực trạng các quy định pháp luật hình sự hiện hành về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	45
4.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội .....	53
Kết luận chương 4 .....	78
<b>CHƯƠNG 5: ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN.....</b>	<b>79</b>
5.1. Định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản .....	79
5.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	81
5.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật hình sự về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	83
Kết luận chương 5 .....	87
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>88</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>91</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>94</b>

## DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>GIẢI THÍCH</b>
BLHS	Bộ luật Hình sự
CP	Chính phủ
HS	Hình sự
NĐ	Nghị định
NQ	Nghị quyết
PLHS	Pháp luật hình sự
ST	Sơ thẩm
TAND	Tòa án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b>Số hiệu</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
4.1	Thống kê số vụ án thụ lý và giải quyết các vụ án hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023.	53
4.2	Thống kê số vụ án và số bị cáo đưa ra xét xử về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023.	54
4.4	Tỉ lệ tổng số vụ án và bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với tổng số vụ án và bị cáo phạm các tội về xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023.	56
4.7	Hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023.	59

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

<b>Số hiệu</b>	<b>Tên đồ thị</b>	<b>Trang</b>
4.3	Số vụ án, bị cáo đưa ra xét xử về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023.	55
4.5	Tỉ lệ tổng số vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với tổng số vụ án các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023.	57
4.6	Tỉ lệ tổng số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với tổng số bị cáo phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023.	57

## MỞ ĐẦU

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi dùng các thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác và là một tội danh thuộc nhóm các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Điều 174 trong Bộ luật Hình sự (BLHS) 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Có thể nói tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một loại tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản – một trong những quyền quan trọng nhất của con người, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân, trật tự an ninh xã hội.

Quận Nam Từ Liêm là một quận nội thành nằm cách trung tâm thành phố Hà Nội 10 km về phía Tây và là một quận có những điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh về kinh tế, xã hội. Theo quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến 2030, tầm nhìn 2050, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là một trong những đô thị lõi, là trung tâm hành chính, dịch vụ, thương mại của Thủ đô Hà Nội [28]. Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh chóng của quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cũng đã kéo theo rất nhiều mặt trái, trong đó có số lượng tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã trở nên báo động và khá nghiêm trọng. Các đối tượng phạm tội đã sử dụng rất nhiều cách thức lừa đảo như: Giả danh cán bộ cơ quan Nhà nước, người lãnh đạo cấp cao để lừa xin việc làm; giả mạo chữ ký của lãnh đạo ngân hàng, kế toán viên, thủ quỹ để làm thủ tục chuyển tiền cho chi nhánh ngân hàng khác trong hệ thống rồi rút lại tiền; ... Trước tình hình nêu trên, các cấp, các ngành của quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để ngăn chặn loại tội phạm này. Bên cạnh việc đạt được những kết quả nhất định, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chẳng hạn: trong quá trình xét xử còn gặp vướng mắc trong việc xác định tội danh, gặp khó khăn đối với việc xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm về lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng, việc nghiên cứu một số vấn

đề lý luận, đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về loại tội phạm này và nâng cao hiệu quả đối với công tác phòng chống Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong thời gian tới là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết. Nhằm hiện thực hóa việc làm quan trọng này, tôi đã lựa chọn đề tài “*Nghiên cứu pháp luật hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*” làm đề tài nghiên cứu khoa học.

\* Về ý nghĩa của đề tài:

- Ý nghĩa lý luận:

*Thứ nhất*, Góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam như: khái niệm, dấu hiệu pháp lý

*Thứ hai*, Đánh giá thực trạng các quy định pháp luật hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

*Thứ ba*, Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Ý nghĩa thực tiễn:

Đề tài là tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng, đem lại tri thức thực tiễn trong chương trình giảng dạy, làm tài liệu tham khảo cho sinh viên trong trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội và các sinh viên tại những trường Đại học khác. Đề tài còn là tài liệu tham khảo cho các độc giả có sự quan tâm, các nhà hoạch định chính sách pháp luật, các cơ quan lập pháp, hành pháp cũng như các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án hình sự liên quan đến loại tội phạm về xâm phạm sở hữu nói chung và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng.

# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Ở Việt Nam, có nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học, Luận văn Thạc sĩ, Luận án Tiến sĩ và các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành nghiên cứu về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Một số các công trình tiêu biểu đã công bố, cụ thể như sau:

### **1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước**

#### **- Về giáo trình, sách chuyên khảo:**

“*Tội phạm và cấu thành tội phạm*” Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015 của Nguyễn Ngọc Hòa. Tác giả đã phân tích hiện tượng tội phạm theo nhiều góc độ như: các yếu tố cấu thành, nguyên nhân phát sinh, biện pháp phòng ngừa, ...

“*Chương IV– Các tội xâm phạm sở hữu*” trong sách: “*Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm - Quyển 1)*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2019 của tập thể tác giả do Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên. Nội dung của chương IV gồm hai phần: những vấn đề chung của các tội xâm phạm sở hữu và các tội phạm cụ thể về xâm phạm sở hữu. Trong đó, các tác giả đánh giá bốn yếu tố cấu thành của các tội xâm phạm sở hữu như: Tội trộm cắp tài sản, Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, ...

“*Chương XVI – Các tội xâm phạm sở hữu*” trong sách: “*Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần các tội phạm – Quyển 1)*”, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018 của tập thể tác giả do Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên. Tại chương XVI, nhóm tác giả đã phân tích, bình luận chi tiết về từng điều luật của các tội xâm phạm sở hữu.

“*Bình luận bộ luật hình sự 2015, phần các tội phạm chương XVI: Các tội xâm phạm sở hữu, XXVII: Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình*”, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2020 của tác giả Đinh Văn Quế. Tác

giả đã giải thích một cách khoa học về các dấu hiệu cấu thành các tội xâm phạm sở hữu và các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình.

**- Về luận văn thạc sĩ:**

*“Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ thực tiễn địa bàn tỉnh Thái Nguyên”* - Luận văn Thạc sĩ luật học của Đặng Phương Nam, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Hà Nội, năm 2022. Tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; phân tích quy định của PLHS về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở tỉnh Thái Nguyên; làm sáng tỏ những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân đồng thời đưa ra các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*“Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ thực tiễn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai”* - Luận văn Thạc sĩ luật học của Nguyễn Trí Tân, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2020. Tác giả làm rõ những vấn đề lý luận về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo PLHS Việt Nam; nghiên cứu thực trạng áp dụng quy định của pháp luật trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai từ năm 2015 đến năm 2019. Luận văn đưa ra những vấn đề còn hạn chế, bất cập, qua đó đưa ra một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác xét xử đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*“Định tội danh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh”* - Luận văn Thạc sĩ luật học của Thạch Thiên Hà, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2020. Tác giả đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về định tội danh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; đánh giá về thực trạng định tội danh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và đưa ra một số giải pháp nhằm bảo đảm định tội danh đúng tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

*“Thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản*



*từ thực tiễn Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh*” - Luận văn Thạc sĩ luật học của Huỳnh Văn Sự, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2020. Tác giả đã nghiên cứu những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thực trạng thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*“Điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng từ thực tiễn thành phố Hà Nội”* - Luận văn Thạc sĩ luật học của Nguyễn Anh Tuấn, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2020. Tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động điều tra các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, phân tích thực trạng hoạt động điều tra các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội.

**- Về bài viết trên báo, tạp chí:**

*“Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam – Lý luận và thực tiễn”*, tác giả Đoàn Ngọc Hải, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 03 năm 2019, Hà Nội. Tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản phân tích thực tiễn của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở nước ta.

*“Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản – Những vướng mắc cần khắc phục”*, tác giả Triệu Thị Tuyết, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 10 năm 2019, Hà Nội. Tác giả đã phân tích thực tiễn áp dụng PLHS đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng PLHS đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

“*Một số vấn đề cần lưu ý khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tác giả Phạm Thị Thanh Huyền và Lê Đức Sơn, Tạp chí Kiểm sát số 06 năm 2022, Hà Nội. Các tác giả đã chỉ ra một số vướng mắc khi giải quyết vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản và nêu lên những vấn đề cần lưu ý khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

“*Thu thập chứng cứ là dữ liệu điện tử trong các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng cảnh sát kinh tế*”, tác giả Nguyễn Văn Nghĩa, Tạp chí khoa học kiểm sát số 02 năm 2022, Hà Nội. Tác giả đã phân tích các đặc điểm của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nêu lên một số hạn chế, bất cập trong việc thu thập dữ liệu điện tử trong các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát kinh tế và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác thu thập dữ liệu điện tử trong các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

## **1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước**

Đề tài lựa chọn tóm lược một số công trình khoa học tiêu biểu nghiên cứu về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Sách “*A Practical Guide to Cyber Fraud Litigation – Second Edition*” của tác giả Matthew McGhee, Nxb. Law Brief Publishing, Vương Quốc Anh, 2023. Tác giả đã phân tích một số hành vi, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng và đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm giúp các cơ quan chức năng thuận lợi hơn trong việc xác định được người phạm tội cũng như giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

Sách “*Lying for Money: How Legendary Frauds Reveal the Workings of the World*” của tác giả Dan Davies, Nxb. Scribner, Vương Quốc Anh, 2021. Tác giả đã kể lại những vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản nổi tiếng trên thế giới như vụ lừa đảo Pigeon King International, vụ lừa đảo Công ty tiền gửi phụ nữ Boston, Vụ in tiền giả tại Bồ Đào Nha, ...

Sách “*Law Relating to Property Frauds*” của tác giả Chakraborty, Nxb

Kamal Publishers, Ấn Độ, 2019. Tác giả đã làm rõ khái niệm “lừa đảo”, phân tích tranh chấp về bất động sản, vi phạm nghĩa vụ hợp đồng liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sách “*Insurance Fraud Casebook: Paying a Premium for Crime*” của tập thể tác giả Laura Hymes và Joseph T. Wells, Nxb. Wiley, Hoa Kỳ, 2013. Các tác giả đã phân tích những hành vi, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực bảo hiểm đồng thời nêu một số vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản liên quan đến bảo hiểm trong ngành y tế, sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài nêu trên đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến các quy định của PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở nhiều khía cạnh khác nhau như: hành vi, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng; hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ... Các công trình nghiên cứu nêu trên là những nguồn tài liệu tham khảo có giá trị thực tiễn cao, góp phần hỗ trợ tác giả trong quá trình thực hiện đề tài.

### **1.3. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước**

Qua nghiên cứu các bài viết, công trình khoa học liên quan đến Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tác giả xin đưa ra một số đánh giá như sau:

Các công trình nghiên cứu, bài báo nêu trên đã đề cập đến các khía cạnh của quy định PLHS và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở các mức độ và phạm vi khác nhau. Có những công trình đã nghiên cứu, phân tích quy định về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở một số khía cạnh như dấu hiệu pháp lý, hình phạt áp dụng... và thực tiễn công tác xét xử tội này trên phạm vi một số địa bàn như: tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Ninh, ... Các công trình nghiên cứu, bài báo nêu trên là những nguồn tài liệu tham khảo có giá trị thực tiễn cao và đã giúp tác giả học được phương pháp phân tích dấu hiệu pháp lý của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như cách

đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua số liệu về vụ án và số bị cáo trong một khoảng thời gian nhất định.

Tuy nhiên cho đến nay, chưa có đề tài, công trình nghiên cứu khoa học nào nghiên cứu và đánh giá hiệu quả áp dụng các quy định của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Trong khi đó, đây là một trong những địa phương có tỉ lệ số người phạm tội và số vụ án hình sự liên quan đến Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản khá lớn. Vì vậy, đề tài mà tác giả triển khai không có tính trùng lặp.

## CHƯƠNG 2

### PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu thực tiễn thi hành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Phạm vi thời gian: Đề tài nghiên cứu và đánh giá thực tiễn thi hành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ năm 2019 đến năm 2023.

- Phạm vi nội dung: Đề tài nghiên cứu khái niệm, dấu hiệu pháp lý và hình phạt về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đánh giá thực trạng các quy định của PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

#### 2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những quy định của PLHS Việt Nam về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

#### 2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng

- Cách tiếp cận: Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp, bình luận, ... Các phương pháp này đều được sử dụng xuyên suốt quá trình thực hiện đề tài, cụ thể:

+ Phương pháp phân tích: phương pháp này được sử dụng nhằm làm rõ những vấn đề mang tính lý luận về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định PLHS Việt Nam và nghiên cứu tình hình áp dụng các quy định pháp luật về Tội

lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua số liệu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

+ Phương pháp so sánh: phương pháp này được sử dụng nhằm phân biệt Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với một số tội phạm khác về xâm phạm sở hữu; so sánh điểm khác biệt giữa những quy định về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua các giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi BLHS năm 1985 có hiệu lực thi hành; BLHS năm 1985; BLHS năm 1999; BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Phương pháp tổng hợp: phương pháp này được sử dụng khi nghiên cứu thực tiễn từ các vụ án, sau khi kiểm tra các thông tin từ nhiều tài liệu trong hồ sơ vụ án; tổng hợp lại những thông tin quan trọng nhất nhằm xác định xem hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ cấu thành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay chưa.

+ Phương pháp thu thập số liệu, tổng kết thực tiễn: Phương pháp này được dùng để thu thập số vụ án và số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023 của TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ đó làm cơ sở cho việc nhận định về tình hình phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

+ Phương pháp lịch sử: phương pháp này được sử dụng nhằm trình bày một cách khái quát lịch sử PLHS Việt Nam về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

## CHƯƠNG 3

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

#### 3.1. Khái niệm của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam

*\* Khái niệm tội phạm*

Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phân chung của tác giả Nguyễn Ngọc Hòa đã xác định: Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho những quan hệ xã hội được quy định trong BLHS; do người có năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS) hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý và phải bị xử lý hình sự. Theo định nghĩa trên, có thể thấy tội phạm khác với những hành vi không phải là tội phạm bằng bốn dấu hiệu đặc trưng cơ bản bao gồm: tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái PLHS và tính phải chịu hình phạt [8, tr.61], cụ thể:

- Tính nguy hiểm cho xã hội

Tính nguy hiểm cho xã hội bao gồm tính gây thiệt hại về khách quan và tính có lỗi về chủ quan.

Tính gây thiệt hại được hiểu là gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Đó là những quan hệ xã hội gắn liền với lợi ích của Nhà nước, công dân và xã hội; có tính quan trọng và một khi có sự xâm hại có thể gây ra thiệt hại hoặc ảnh hưởng đáng kể cho điều kiện phát triển của chế độ xã hội. Theo đó, những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ là: độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

- Tính có lỗi

Lỗi là thái độ chủ quan của con người đối với hành vi có tính gây thiệt hại cho xã hội của mình và đối với hậu quả của hành vi đó thể hiện dưới dạng cố ý hoặc vô ý [8, tr.64]. Trong đó, hành vi gây thiệt hại đã thực hiện phải là kết quả của sự tự lựa chọn và tự quyết định của người phạm tội trong khi có đủ điều kiện lựa chọn và quyết định xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Lỗi được phân loại thành lỗi cố ý và lỗi vô ý. Lỗi cố ý bao gồm: lỗi cố ý trực tiếp, lỗi cố ý gián tiếp; lỗi vô ý bao gồm: lỗi vô ý do quá tự tin, lỗi vô ý do cẩu thả.

- Tính trái pháp luật hình sự

Tính trái PLHS được hiểu là chỉ chủ thể nào phạm một tội và tội này đã được BLHS quy định mới phải chịu TNHS. Theo đó, hành vi bị coi là tội phạm đòi hỏi trước hết phải được quy định trong luật hình sự. Nhưng không phải tất cả các trường hợp thực hiện hành vi được quy định trong luật hình sự đều là trái luật vì trong đó có thể có trường hợp luật cho phép như phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết hay các trường hợp tương tự [6, tr.27].

- Tính phải chịu hình phạt

Đặc điểm này được hiểu rằng bất cứ hành vi phạm tội nào, do tính nguy hiểm cho xã hội cũng đều bị đe dọa phải chịu hình phạt – biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn có những trường hợp người phạm tội không phải chịu hình phạt, đó là những trường hợp như: được miễn TNHS, miễn chấp hành hình phạt, ...

Như vậy, khái niệm tội phạm đã được quy định một cách đầy đủ, thể hiện rõ sự phân biệt giữa tội phạm và không phải tội phạm; là cơ sở cho việc xác định những loại tội phạm cụ thể và cũng là cơ sở để quy định các khung hình phạt tương ứng cho từng tội phạm. Việc làm rõ những vấn đề lí luận về tội phạm góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện khái niệm của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó phải thỏa mãn đủ các dấu hiệu gồm: Tính nguy hiểm cho xã hội, tính cố lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt.



*\* Khái niệm tài sản*

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015, tài sản tồn tại dưới bốn dạng: vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Theo đó, tài sản bao gồm các dạng sau:

- Tài sản ở dạng vật

Đây là loại tài sản tồn tại trong tự nhiên mà con người có thể nhìn thấy, sờ nắm nhận biết nó thông qua giác quan trực giác và có thể khai thác công dụng, tính năng của nó để thỏa mãn các nhu cầu của mình về tiêu dùng như thực phẩm dùng để ăn uống, thỏa mãn nhu cầu về sinh hoạt như nhà dùng để ở, xe hơi dùng làm phương tiện đi lại, thỏa mãn nhu cầu sản xuất như các nguyên vật liệu. Vật chỉ trở thành tài sản khi nó mang lại cho con người những giá trị nhất định

- Tài sản ở dạng tiền

Là một phương tiện thanh toán đa năng do Nhà nước phát hành có giá trị lưu hành ít nhất tại quốc gia đã phát hành. Tài sản ở dạng tiền phải có các thuộc tính sau đây:

+ Giá trị được xác định thông qua mệnh giá: giá trị của tiền bao giờ cũng được thể hiện trên một chất liệu nhất định như tiền giấy, tiền xu mà trên đó, mệnh giá của tiền được xác định.

+ Là phương tiện thanh toán, trao đổi hàng hóa: Trong nền kinh tế hàng hóa thị trường, tiền luôn đóng vai trò là vật ngang giá trong trao đổi hàng hóa. Chức năng này của tiền tệ như là huyết mạch của nền kinh tế, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển và tính hiệu quả của quá trình sản xuất, kinh doanh

+ Là phương tiện tính toán giá trị: Trong trao đổi hàng hóa, dịch vụ, các bên luôn phải xác định giá trị của loại hàng hóa, dịch vụ đó thành một khoản tiền cụ thể. Tiền tệ biểu hiện giá trị của hàng hóa, vì thế, chức năng này của tiền tệ giúp cho việc so sánh các hàng hóa với nhau về mặt giá trị.

+ Là phương tiện tích lũy giá trị: Việc tích lũy tài sản của các chủ thể có thể được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau nhưng phần nhiều, người ta quy đổi thành tiền để cất giữ. Lượng tiền tạm thời nhàn rỗi được giữ lại cho đến khi có nhu cầu chi tiêu, mua sắm. Trong thời gian đó, tiền có thể sinh lời nếu cho vay hoặc gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng [23, tr.11].

- Tài sản ở dạng giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá bao gồm nhiều loại khác nhau, miễn là qua đó, “*xác nhận quyền tài sản của một chủ thể nhất định*”. Các chủ thể không thể khai thác trực tiếp công năng của các loại giấy tờ này mà thực tế họ chỉ khai thác quyền tài sản được ghi nhận trong các giấy tờ có giá đó. Dựa trên các quy định pháp luật hiện hành, giấy tờ có giá bao gồm: hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc và các công cụ chuyển nhượng khác (Điều 1 Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005); trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ti, kì phiếu, cổ phiếu (điểm c khoản 1 Điều 4 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005); tín phiếu kho bạc, trái phiếu, các loại chứng khoán (khoản 1 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019); ... Một giấy tờ có giá chỉ được coi là tài sản, cần phải có các thuộc tính sau:

+ Xác nhận quyền tài sản, lượng tài sản cụ thể của một chủ thể xác định.

+ Có thể trị giá được thành tiền: Để xác định được thành tiền giá trị của giấy tờ có giá thì giấy tờ có giá đó phải có thị trường trao đổi.

+ Có thể chuyển giao quyền sở hữu cho chủ thể khác trong các giao dịch dân sự như mua bán, cầm cố, thế chấp, chiết khấu.

- Tài sản ở dạng quyền tài sản

Quyền tài sản hiểu theo nghĩa chung là quyền mà theo đó, chủ thể có được một lợi ích nhất định, bao gồm: Các quyền đối với tài sản như quyền được dùng tài sản là các loại thực phẩm để thỏa mãn nhu cầu ăn uống, quyền sử dụng xe hơi làm phương tiện đi lại, quyền thu hoa lợi từ một tài sản, quyền sử dụng đất; các quyền đối với người khác như quyền đòi nợ; yêu cầu người khác thực hiện một công việc mà kết quả của công việc đó là một lợi ích vật chất; các quyền

đối với kết quả của hoạt động sáng tạo (quyền đối với tác phẩm văn học nghệ thuật và quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp, giống cây trồng). Tuy vậy, chỉ được coi là tài sản khi quyền tài sản trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự [23, tr.12].

*\* Khái niệm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Theo Từ điển tiếng Việt, lừa đảo nghĩa là lừa bằng thủ đoạn xảo trá để chiếm lấy của cải, tài sản [9, tr.512].

Khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) định nghĩa tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau: “*Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác ...*”. Trong sách chuyên khảo của GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa và cộng sự, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao gồm hai hành vi. Trong đó, một hành vi được điều luật quy định là thủ đoạn gian dối của người phạm tội. Ngoài thủ đoạn gian dối, người phạm tội còn có hành vi chiếm đoạt tài sản.

- Thủ đoạn gian dối: là đưa ra các thông tin không đúng sự thật làm cho người khác tin đó là thật và giao tài sản cho người phạm tội.

- Chiếm đoạt tài sản của người khác: là hành vi chuyển dịch tài sản đang thuộc quyền sở hữu của người khác thành tài sản của mình. Vì đã tin vào thông tin của người phạm tội nên người bị lừa dối đã giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho người phạm tội. Khi nhận được tài sản cũng là lúc người phạm tội đã làm chủ được tài sản định chiếm đoạt và người bị lừa dối đã mất khả năng làm chủ tài sản đó trên thực tế [7, tr.302].

Ví dụ: A mượn xe máy của B, nói dối B là mẹ của A bị ốm phải đưa vào bệnh viện cấp cứu; B tin và đưa xe máy cho A để A đưa mẹ đi cấp cứu nhưng sau khi có xe, A đem ra tiệm cầm đồ đặt lấy 20.000.000 đồng rồi đi đánh bạc thua hết.

Trong sách chuyên khảo của tác giả Đinh Văn Quế, đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người phạm tội chỉ có một hành vi khách quan duy nhất là “chiếm

đoạt”. Thủ đoạn gian dối không phải là hành vi khách quan mà thuộc về ý thức chủ quan, là phương thức để đạt mục đích mà biểu hiện của thủ đoạn gian dối bao gồm nhiều hành vi khác nhau mà người phạm tội thực hiện hành vi đó nhằm đánh lừa người khác [13, tr. 244].

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm và khái niệm trên, tác giả đưa ra quan điểm về khái niệm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật làm cho người khác tin đó là sự thật và giao tài sản, sau đó chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành tài sản của mình; được quy định trong Bộ luật hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.*

### **3.2. Dấu hiệu pháp lý Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam**

Dấu hiệu pháp lý là những dấu hiệu đặc trưng của tội phạm mà căn cứ vào đó có thể nhận biết, xác định tội phạm. Để xác định chính xác Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với các tội khác thuộc nhóm tội phạm về xâm phạm sở hữu, các nhà áp dụng pháp luật cần có sự am hiểu tường tận về từng yếu tố cấu thành của loại tội này.

#### **3.2.1. Khách thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Khách thể của tội phạm có thể được định nghĩa là quan hệ xã hội được PLHS bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại có tính chất tội phạm, nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên (hoặc đe dọa thực tế gây nên) thiệt hại đáng kể nhất định [4, tr.332]. Quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ là những quan hệ xã hội được Nhà nước xác định cần được bảo vệ bằng những quy phạm PLHS và đã được liệt kê tại Điều 8 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), trong đó có quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Khoản 1 Điều 32 Hiến pháp năm 2013 quy định rằng mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản

xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác [15]. Vấn đề sở hữu được hình thành ngay từ thời kỳ sơ khai của xã hội loài người, khi con người đã biết chiếm giữ những sản vật sẵn có trong thiên nhiên để phục vụ cho nhu cầu của mình. Xã hội càng phát triển, bên cạnh những tài sản sẵn có trong tự nhiên, con người còn ý thức được tầm quan trọng của việc tạo ra và nắm giữ, khai thác của cải vật chất trong xã hội để đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của cuộc sống. Chính vì vậy, khi Nhà nước ra đời, Nhà nước đã ghi nhận quyền sở hữu là một trong những quyền của con người, trao cho người đang chiếm giữ của cải vật chất những quyền năng tác động lên tài sản.

Điều 158 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 quy định: “*Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của luật*”. Trong đó:

- Quyền chiếm hữu được hiểu là chủ thể được quyền quản lí, nắm giữ, chi phối tài sản phù hợp với quy định của pháp luật.
- Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản.
- Quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản [19].

Qua những phân tích trên, có thể thấy quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của công dân nên cũng là khách thể bảo vệ của BLHS.

Khách thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Việc một chủ thể có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là việc làm cho chủ sở hữu mất khả năng thực hiện các quyền năng của mình trước hết là việc chiếm hữu tài sản trên thực tế, còn về pháp lý, họ vẫn là chủ sở hữu, vẫn còn các quyền năng của chủ sở hữu nhưng không thể thực hiện được vì tài sản đã bị người phạm tội chiếm hữu.

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản không xâm phạm đến quan hệ nhân thân mà chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu. Đặc điểm này được thể hiện trong cấu thành của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhà làm luật không quy định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe là tình tiết định khung hình phạt. Vì vậy, nếu sau khi đã chiếm đoạt được tài sản, người phạm tội bị đuổi bắt mà có hành vi chống trả để tẩu thoát, gây chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội còn phải bị truy cứu TNHS về tội giết người hoặc tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho người khác [12, tr.8].

#### *Về đối tượng tác động của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Đối tượng tác động của tội phạm là bộ phận cấu thành của khách thể của tội phạm, bị sự xâm hại của tội phạm tác động đến và gây nên (hoặc đe dọa thực tế gây nên thiệt hại đáng kể cho các trường hợp được PLHS bảo vệ [4, tr.336]. Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối làm biến đổi tình trạng bình thường của tài sản một cách trái pháp luật đều là những hành vi xâm hại đến quyền sở hữu, một trong những quyền của công dân mà BLHS bảo vệ. Vì vậy đối tượng tác động của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tài sản. Tuy nhiên, không phải mọi tài sản đều có thể trở thành đối tượng tác động của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để trở thành đối tượng của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì tài sản đó phải có những đặc điểm nhất định như sau:

- Tài sản phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý hợp pháp của người khác. Theo Điều 221 BLDS năm 2015, quyền sở hữu tài sản của một chủ thể phát sinh trên cơ sở các căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với tài sản trong trường hợp sau đây:

+ Do lao động, do hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp, do hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.

+ Được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

+ Thu hoa lợi, lợi tức.

+ Tạo thành tài sản mới do sáp nhập, trộn lẫn, chế biến.

+ Được thừa kế.

+ Chiếm hữu trong các điều kiện do pháp luật quy định đối với tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên; gia súc, gia cầm bị thất lạc, vật nuôi dưới nước di chuyển tự nhiên.

+ Chiếm hữu, được lợi về tài sản một cách ngay tình, liên tục, công khai trong một khoảng thời gian nhất định.

+ Trường hợp khác do luật quy định.

Vì vậy, hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của mình, do mình quản lý hoặc tài sản không nằm trong sự quản lý của chủ tài sản như tài sản bị bỏ quên, đánh rơi, tài sản vô chủ hoặc tài sản mà chủ sở hữu đã từ bỏ quyền sở hữu thì không phải là hành vi của tội Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản [12, tr.8].

- Tài sản phải đáp ứng được một số thuộc tính nhất định, bao gồm:

+ Tài sản ở dạng vật: Đối với vật thì phải là những thứ mà con người có thể nắm giữ, chiếm giữ thông qua các hành động cụ thể của mình, phải đáp ứng được một nhu cầu nhất định cho con người và phải mang tính giá trị. Đối với các tài sản đặc thù pháp luật có quy định riêng như: Tàu bay, tàu thủy, vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự... không là đối tượng tác động của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mà nó sẽ là đối tượng tác động của tội phạm khác như: Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy (Điều 282 BLHS năm 2015); Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 304 BLHS năm 2015).

+ Tài sản ở dạng tiền: loại tiền được công nhận ở nước ta phải được Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành và có đơn vị là “đồng” và ngoại tệ (chỉ một

số trường hợp). Vì thế, các loại “*tiền ảo*” như Swisscoin, Bitcoin... không là tài sản theo quy định của PLHS Việt Nam, nên đối với các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền ảo, sẽ không bị coi là phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Tài sản ở dạng giấy tờ có giá: cần phân biệt sự khác nhau giữa giấy tờ có giá với tư cách là một tài sản và các giấy tờ có giá với tư cách là một chứng thư đơn thuần, không trị giá được thành tiền và không trao đổi, mua bán được. Chẳng hạn, cũng là giấy tờ có giá ở dạng chứng chỉ nhưng trái phiếu là tài sản còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất lại không phải là tài sản.

+ Tài sản ở dạng quyền tài sản: chỉ được coi là tài sản khi quyền tài sản trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, thiếu một trong hai yếu tố này sẽ không được coi là tài sản. Chẳng hạn, quyền được cấp dưỡng là một quyền tài sản nhưng không được coi là tài sản bởi nó gắn liền với nhân thân của người được cấp dưỡng nên không thể chuyển giao trong giao dịch dân sự.

### ***3.2.2. Mặt khách quan của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Mặt khách quan của tội phạm là dấu hiệu bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan [25, tr.91], bao gồm: hành vi khách quan có tính gây thiệt hại cho xã hội, hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi khách quan gây ra, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan và hậu quả thiệt hại, công cụ, phương tiện, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội, ...

#### **\* Hành vi khách quan**

Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người phạm tội có hai hành vi khách quan là hành vi dùng thủ đoạn gian dối và hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Dùng thủ đoạn gian dối được hiểu là hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật làm cho người bị hại tin đó là sự thật. Về phía người bị lừa, là người mất cảnh giác, nhẹ dạ cả tin và không ít người do tham lam nên đã tạo điều kiện



cho người phạm tội thực hiện hành vi lừa đảo. Thủ đoạn gian dối có thể được thực hiện bằng lời nói dối, xuất trình những giấy tờ sai sự thật, giả danh người có chức vụ quyền hạn, cán bộ các cơ quan nhà nước để ký kết hợp đồng, ...

Thủ đoạn gian dối của người phạm tội bao giờ cũng phải có trước khi có việc giao nhận tài sản giữa bị hại với người phạm tội thì mới là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nếu thủ đoạn gian dối lại có sau khi người phạm tội nhận được tài sản thì không phải là lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà tùy từng trường hợp cụ thể, thủ đoạn gian dối đó có thể là hành vi che giấu tội phạm hoặc là hành vi phạm tội khác như tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản [13, tr.245].

Hành vi lừa dối trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được thực hiện là nhằm thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Hành vi chiếm đoạt tài sản trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có hai hình thức thể hiện cụ thể:

*Thứ nhất:* Nếu tài sản chiếm đoạt đang trong sự chiếm hữu của chủ tài sản thì hình thức thể hiện cụ thể của hành vi chiếm đoạt là hành vi nhận tài sản từ người bị lừa dối. Khi nhận tài sản cũng là lúc người phạm tội đã làm chủ được tài sản đó trên thực tế và cũng là lúc người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thực hiện hành vi trong giai đoạn tội phạm hoàn thành.

*Thứ hai:* Nếu tài sản bị chiếm đoạt đang ở trong sự chiếm hữu của người phạm tội thì hình thức thể hiện của hành vi chiếm đoạt là hành vi giữ tài sản đáng lẽ phải giao cho người bị lừa dối vì đã tin vào thông tin của người phạm tội nên người bị lừa dối đã nhận nhầm tài sản hoặc không nhận. Khi người bị lừa dối nhận nhầm hoặc không nhận tài sản cũng là lúc người phạm tội lừa đảo đã làm chủ được tài sản và cũng là lúc người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thực hiện hành vi trong giai đoạn tội phạm hoàn thành [7, tr.302].

\* Hậu quả

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tội có cấu thành vật chất. Vì vậy, hậu quả của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là thiệt hại về giá trị của tài sản bị chiếm đoạt.

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội thì hành vi chuẩn bị phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chưa chiếm đoạt được tài sản nên chưa gây thiệt hại về tài sản. Vì vậy, hành vi chuẩn bị phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chưa cấu thành tội phạm.

Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu người phạm tội chỉ mới thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối mà chưa chiếm đoạt được tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên hoặc tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp *“Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”* thì cũng chưa cấu thành tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với trường hợp phạm tội hoàn thành, người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã chiếm đoạt được tài sản và giá trị tài sản bị thiệt hại thuộc một trong hai trường hợp sau:

- + Tài sản có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên
- + Tài sản có giá trị dưới 2 triệu nhưng thuộc một trong các trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175 và 290 của BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.

Trong trường hợp này, thiệt hại mà người phạm tội gây ra đã thỏa mãn yếu tố về mặt hậu quả trong cấu thành tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

\* Mối quan hệ nhân quả

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản và hậu quả thiệt hại về tài sản bị chiếm đoạt có mối quan hệ nhân quả với nhau. Hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản xảy ra trước, là nguyên nhân khiến cho tài sản bị thiệt hại. Ngược lại, sự thiệt hại về tài sản là hậu quả của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

### ***3.2.3. Chủ thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Luật Hình sự là tội phạm mà đối với họ có đủ năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS hoặc pháp nhân thương mại phạm tội khi đáp ứng những điều kiện do luật định [25, tr.102]. Ở một số tội phạm quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chủ thể phải có thêm dấu hiệu đặc biệt, chẳng hạn như: chủ thể của Tội tham ô tài sản (Điều 353 BLHS) là người có chức vụ, quyền hạn, ...

Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chủ thể là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm theo luật định khi thực hiện hành vi phạm tội. Theo đó, người có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi theo đòi hỏi của xã hội. Bên cạnh đó, mức độ chịu TNHS còn phụ thuộc vào độ tuổi của người phạm tội, cụ thể:

Người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu TNHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại bất kỳ khoản nào của Điều 174 vì theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 BLHS thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các Điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 28, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này.

Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với tất cả các khoản quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) vì theo Khoản 1 Điều 12 BLHS, người từ đủ 16 tuổi trở lên

phải chịu TNHS về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà BLHS có quy định khác, là những tội phạm mà chủ thể của những tội phạm này phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên.

Bên cạnh chủ thể là người có năng lực TNHS, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn quy định chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, không phải mọi tội danh đều có chủ thể là pháp nhân thương mại và chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của BLHS mới phải chịu TNHS, đó là: Tội buôn lậu; Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm; Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm, Tội sản xuất, buôn bán hàng giả; Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm; ... Theo đó, Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản không được liệt kê trong số các tội quy định tại Điều 76 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), do vậy chủ thể thực hiện hành vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chỉ là cá nhân; không phải là pháp nhân thương mại.

#### ***3.2.4. Mặt chủ quan của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

Mặt chủ quan của tội phạm là nhận thức, thái độ của bản thân người phạm tội đối với hành vi và hậu quả của hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện [25, tr.113]. Nói cách khác, đó là những biểu hiện trạng thái tâm lý của chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, bao gồm: lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

Lỗi của chủ thể phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội biết tài sản thuộc sở hữu của người khác và nhận thức rõ việc họ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản sẽ trực tiếp gây thiệt hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của chủ sở hữu nhưng vẫn thực hiện hành vi.

Về mục đích phạm tội, người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mong muốn chiếm hữu tài sản một cách trái pháp luật trong khi tài sản đó vẫn thuộc quyền sở hữu của người khác. Mục đích chiếm đoạt tài sản phải hình thành

trước hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt. Nếu sau khi có được tài sản một cách hợp pháp như được cho mượn, cho vay thông qua hợp đồng, người phạm tội mới nảy sinh ý định chiếm đoạt rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản thì khi đó không phải là lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 BLHS năm 2015.

Người phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có thể có một hoặc nhiều động cơ khác nhau nhưng chủ yếu là do động cơ vụ lợi, tức là người phạm tội vì muốn thu về những lợi ích vật chất cho mình nên đã thôi thúc họ thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với người thực hiện hành vi lừa dối để nhận được tài sản của người khác nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có thể bị truy cứu về một tội danh khác nếu hành vi đã thực hiện đó của họ thỏa mãn dấu hiệu pháp lý được mô tả trong cấu thành tội phạm đó. Chẳng hạn như một người dùng thủ đoạn gian dối để chiếm hữu được tài sản của người khác nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản đó mà chỉ nhằm mục đích sử dụng tạm thời (mượn và sẽ trả lại, không có ý định chiếm đoạt làm tài sản riêng) thì sẽ bị truy cứu TNHS về Tội sử dụng trái phép tài sản mà không phải là Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản [11, tr.23].

### **3.3. Hình phạt áp dụng đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam**

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, do Tòa án quyết định áp dụng trong bản án có hiệu lực pháp luật đối với người hoặc pháp nhân thương mại bị kết án có nội dung tước bỏ hay hạn chế quyền, lợi ích của các chủ thể tương ứng đó, qua đó nhằm giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm [24, tr.207].

Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mức độ hình phạt sẽ được quy định khác nhau tùy thuộc vào từng trường hợp phạm tội, cụ thể:

\* Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015

Đây là khung hình phạt cơ bản với hình phạt là cải tạo không giam giữ đến 03 năm, phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm áp dụng đối với những chủ thể có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

- Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 2 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng
- Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới 2 triệu đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau:

+ Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm: là trường hợp trước khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người phạm tội đã bị xử phạt hành chính cũng về hành vi chiếm đoạt tài sản (có thể là hành vi trộm cắp tài sản, hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản hoặc hành vi chiếm đoạt tài sản khác) bằng một trong các hình thức được quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng mà chưa quá một năm.

+ Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm: là trường hợp trước khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người phạm tội đã bị kết án về một trong các tội sau đây và chưa được xóa án tích: Tội cướp tài sản, Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, Tội cưỡng đoạt tài sản, Tội cướp giết tài sản, Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, Tội trộm cắp tài sản, Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

+ Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội: là hành vi của một cá nhân làm phá vỡ trật tự, kỷ cương của xã hội một cách nghiêm trọng, khiến

cho một bộ phận không nhỏ người dân mất niềm tin, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, phá vỡ quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành; xâm phạm những giá trị xã hội, chuẩn mực đạo đức được mọi người tôn trọng, thừa nhận, tuân thủ [27].

+ Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ: là tài sản đặc biệt quan trọng, là chỗ dựa, phương tiện mưu sinh duy nhất của người bị hại và gia đình mà nếu mất đi tài sản đó thì người bị hại và gia đình lâm vào tình trạng khó khăn. Chẳng hạn như xe máy dùng để chở khách và tiền thu được từ việc chở khách là khoản thu chính của gia đình.

\* Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015

Khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 quy định khung hình phạt tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm được áp dụng cho trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng sau:

- Có tổ chức: Theo tinh thần hướng dẫn tại Nghị quyết số 02-/HĐTP/NQ của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân (TAND) tối cao hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02-HĐTP ngày 5-1-1986, phạm tội có tổ chức phải có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, thể hiện dưới các dạng sau đây:

+ Những người đồng phạm đã tham gia một tổ chức phạm tội như: đảng phái, hội, đoàn phản động, băng, ổ trộm, cướp... có những tên chỉ huy, cầm đầu hoặc chỉ là sự tập hợp những tên chuyên phạm tội đã thống nhất cùng nhau hoạt động phạm tội.

+ Những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước.

+ Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm [5].

- Có tính chất chuyên nghiệp: Theo tinh thần hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS, tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Người phạm tội cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích;

+ Các hành vi phạm tội tạo nên nguồn thu nhập cơ bản hoặc nguồn sống chủ yếu của người phạm tội [20].

- Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng

- Tái phạm nguy hiểm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 BLHS năm 2015, hành vi của người phạm tội chỉ được coi là tái phạm nguy hiểm khi thuộc một trong hai trường hợp sau:

+ Trường hợp 1: người phạm tội trước đó đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nhưng chỉ với hình thức lỗi cố ý (tội thứ nhất); người phạm tội chưa được xóa án tích về tội thứ nhất; tội phạm (tội thứ hai) mà người phạm tội thực hiện phải là một trong hai loại tội phạm là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nhưng cũng với hình thức lỗi cố ý.

+ Trường hợp 2: người phạm tội đang bị coi là người tái phạm, người phạm tội chưa được xóa án tích về tội thứ hai mà mình đã tái phạm, người phạm tội lại thực hiện bất kỳ tội phạm nào với hình thức lỗi cố ý (tội thứ ba).

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức:

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Người có quyền hạn thông thường là người có chức vụ nhưng cũng có thể là người không có chức vụ nhưng được giao hoặc được tham gia thực hiện



một nhiệm vụ nên họ có quyền nhất định. Trong trường hợp này, người phạm tội phải có chức vụ, quyền hạn và sử dụng chức vụ với quyền hạn được giao như là một phương tiện để thực hiện phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: là trường hợp người phạm tội sử dụng trái phép (mượn danh) tên, địa chỉ, hình ảnh của cơ quan, tổ chức hoặc người đại diện cơ quan, tổ chức mà mình là thành viên để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thông thường, người phạm tội thông qua các hợp đồng kinh tế để lừa đảo cá nhân, cơ quan, tổ chức khác; nạn nhân của tội phạm bị mắc lừa là do tin rằng cơ quan tổ chức mà người phạm tội đã nhân danh sẽ không lừa đảo.

- Dùng thủ đoạn xảo quyệt: là trường hợp người phạm tội có những mách khéo, cách thức gian dối, thâm hiểm làm cho bị hại hoặc người khác không thấy được để đề phòng.

\* Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 174 BLHS năm 2015

Khoản 3 của điều luật quy định khung hình phạt tăng nặng thứ hai có mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm được áp dụng cho trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng sau:

- Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng
- Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh:

Theo Luật Phòng chống thiên tai năm 2013, “*thiên tai*” là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội. Các hiện tượng thiên tai bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác [16].

Có thể hiểu “*dịch bệnh*” dùng để chỉ chung sự xuất hiện bệnh truyền nhiễm đối với người và động vật, bệnh hại đối với thực vật, trong đó, số người, động

vật, thực vật mắc bệnh vượt quá dự tính bình thường trong một khoảng thời gian xác định ở một khu vực nhất định.

Trong trường hợp này, người phạm tội sử dụng các thông tin, tình hình, diễn biến, hậu quả, biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh tạo điều kiện có lợi cho mình để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Người phạm tội chỉ cần khai thác hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, dịch bệnh gây ra để tạo điều kiện có lợi cho mình thực hiện hành vi phạm tội mà không nhất thiết phải đang trong hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh đó.

\* Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015

- Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên

- Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp:

Tình trạng chiến tranh: Theo Khoản 9 Điều 2 Luật Quốc phòng năm 2018, tình trạng chiến tranh là trạng thái xã hội đặc biệt của đất nước được tuyên bố từ khi Tổ quốc bị xâm lược cho đến khi hành vi xâm lược đó được chấm dứt trên thực tế.

Tình trạng khẩn cấp: Tình trạng khẩn cấp là một tình huống cho phép chính quyền có thể ban hành những chính sách, hoặc thực hiện những hành động mà thông thường không được phép thực hiện, nhân danh lợi ích công cộng. Các lý do phổ biến nhất để ban bố tình trạng khẩn cấp gồm: chiến tranh, xâm lược, bất ổn, nổi loạn, thiên tai, mối đe dọa đối với độc lập quốc gia hoặc đối với hoạt động của cơ quan công quyền. Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 quy định về tình trạng khẩn cấp tại Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp năm 2000 và một số luật khác có liên quan như Luật Quốc phòng năm 2018, Luật An ninh mạng năm 2018, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007, ... [14]

Trong trường hợp này, người phạm tội đã lợi dụng tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp trong đời sống xã hội để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cần lưu ý rằng người phạm tội phải có ý thức lợi dụng thì mới bị

áp dụng tình tiết phạm tội này. Nếu có căn cứ cho rằng người phạm tội trong vùng chiến sự hoặc họ không thể biết mình đang trong tình trạng khẩn cấp thì không thể áp dụng tình tiết này.

\* Hình phạt bổ sung đối với người phạm tội

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 BLHS năm 2015 thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

### **3.4. Phân biệt Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với một số tội xâm phạm sở hữu khác**

#### **3.4.1. Phân biệt Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**

\* Về khách thể: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đều xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, một trong những quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận và cũng là một trong những quan hệ xã hội được BLHS bảo vệ.

\* Về mặt khách quan:

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có sự khác biệt về thời điểm thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối của người phạm tội.

Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người phạm tội thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối trước khi có việc giao nhận tài sản giữa người bị hại với người phạm tội. Nói cách khác, người phạm tội đưa ra thông tin không đúng sự thật khiến người khác tin đó là sự thật sau đó giao tài sản cho người phạm tội. Lúc này, mặc dù quyền sở hữu tài sản vẫn đang thuộc về người bị hại nhưng người phạm tội đang chiếm hữu, quản lý tài sản một cách bất hợp pháp.

Đối với Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, việc chuyển giao tài sản từ người bị hại sang người phạm tội xuất phát từ một hợp đồng hợp pháp như vay, mượn, thuê tài sản. Sau khi đã nhận được tài sản, người phạm tội mới dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản do mình đang chiếm hữu mặc dù quyền sở hữu vẫn đang thuộc về người bị hại. Ngoài hành vi dùng thủ đoạn gian dối, sau khi nhận được tài sản một cách hợp pháp từ người bị hại, người phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có một trong các hành vi sau:

- Bỏ trốn với mục đích chiếm đoạt tài sản, không thanh toán, không trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản.

- Cố tình không trả lại tài sản cho chủ sở hữu mặc dù khi đến thời hạn trả lại tài sản, người phạm tội có điều kiện, khả năng trả lại tài sản.

- Dùng tài sản nhận từ chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản một cách hợp pháp vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản chẳng hạn như: dùng tiền vay được để đưa hối lộ, để buôn lậu, để mua bán hàng cấm, để mua bán ma túy, vũ khí quân dụng, ...

#### \* Về chủ thể

Chủ thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đều là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi theo đòi hỏi của xã hội. Về độ tuổi chịu TNHS, nếu chủ thể của hai tội này là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì không phải chịu TNHS về bất kỳ khoản nào của Điều 174 và Điều 175 BLHS năm 2015. Trong trường hợp chủ thể của hai tội này là người từ đủ 16 tuổi trở lên thì phải chịu TNHS đối với tất cả các khoản quy định tại điều luật tương ứng.

#### \* Về mặt chủ quan

- Lỗi của chủ thể phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đều là lỗi cố ý trực tiếp.

- Về mục đích phạm tội, người phạm tội Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đều mong muốn chuyển dịch bất

hợp pháp tài sản đang thuộc quyền sở hữu của người khác trở thành tài sản thuộc sự chiếm hữu, quản lý của mình.

### **3.4.2. Phân biệt Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với Tội sử dụng trái phép tài sản**

\* Về khách thể:

Trong khi Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt tài sản thì Tội sử dụng trái phép tài sản chỉ xâm hại đến quyền sử dụng tài sản của người khác.

\* Về mặt khách quan:

Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người phạm tội đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác.

Đối với Tội sử dụng trái phép tài sản, người phạm tội tự ý khai thác giá trị sử dụng tài sản của người khác trong thời gian nhất định mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản. Sau thời gian này, chủ tài sản sẽ có lại tài sản của mình. Có thể thấy, đặc điểm nổi bật của hành vi sử dụng trái phép tài sản là người phạm tội chỉ có ý định khai thác lợi ích của tài sản chứ không có ý định chiếm đoạt tài sản.

\* Về chủ thể:

Chủ thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội sử dụng trái phép tài sản đều là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi theo đòi hỏi của xã hội. Về độ tuổi chịu TNHS, nếu chủ thể của hai tội này là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì không phải chịu TNHS về bất kỳ khoản nào của Điều 174 và Điều 177 BLHS năm 2015. Trong trường hợp chủ thể của hai tội này là người từ đủ 16 tuổi trở lên thì phải chịu TNHS đối với tất cả các khoản quy định tại điều luật tương ứng.

\* Về mặt chủ quan

- Lỗi của chủ thể phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tội sử dụng trái phép tài sản đều là lỗi cố ý trực tiếp.

- Về mục đích phạm tội, trong khi mục đích của người phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếm đoạt tài sản thì đối với Tội sử dụng trái phép tài sản, người phạm tội này chỉ mong muốn khai thác giá trị sử dụng của tài sản mà không có mục đích nào khác.

### **3.5. Sự cần thiết quy định Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam**

- Về phương diện chính trị:

Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản không chỉ gây thiệt hại về tài sản cho nhà nước, xã hội và công dân mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình trật tự, an toàn xã hội. Nhận thức được thực trạng này, Đảng và Nhà nước đã triển khai thực hiện đồng bộ và toàn diện nhiều chủ trương, biện pháp tích cực để đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng, chẳng hạn như: ban hành Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; Kết luận số 44-KL/TW ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khoá XI về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của TAND và công tác thi hành án; ... Trên cơ sở những chủ trương, đường lối đấu tranh phòng, chống tội phạm như vậy, việc quy định một cách cụ thể Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các văn bản pháp luật có liên quan có ý nghĩa rất quan trọng, khiến cho công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về xâm phạm sở hữu được thực hiện một cách hiệu quả hơn.

*- Về phương diện kinh tế - xã hội:*

Quy định Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong PLHS Việt Nam có vai trò tạo ra một khung pháp lý để góp phần giảm thiểu thiệt hại về kinh tế đồng thời tạo ra một môi trường sống lành mạnh cho người dân. Một trong những hệ lụy mà tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản gây ra là nạn nhân bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản rất khó thu hồi lại tài sản. Một số nạn nhân còn vay mượn tiền người thân, bạn bè, vay nóng để đầu tư vào các sàn giao dịch điện tử và sau khi bị lừa mất toàn bộ số tiền đã đầu tư, đối diện với nợ nần dẫn đến quẫn bách, suy nghĩ tiêu cực và tìm đến cái chết để giải thoát. Nhiều gia đình có vợ hoặc chồng đem tài sản chung của gia đình để đầu tư rồi bị lừa đảo chiếm đoạt hết dẫn đến mâu thuẫn, bạo lực gia đình, thậm chí ly hôn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của những người trong gia đình.

Việc quy định Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong BLHS góp phần quan trọng trong việc giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, đồng thời bảo vệ một cách vững chắc quyền sở hữu tài sản của công dân bằng PLHS, bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của hình phạt, pháp chế XHCN cũng như uy tín của các cơ quan tư pháp đối với nhân dân. Từ đó, tạo ra một môi trường sống lành mạnh cho người dân.

*- Về phương diện pháp lý:*

Việc PLHS Việt Nam có các quy định riêng về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã cho thấy tính chất, mức độ nguy hiểm cần phải bị hạn chế của loại tội phạm này, qua đó góp phần tạo nên một khung pháp lý rõ ràng, chặt chẽ khi trở thành một trong những công cụ hỗ trợ hiệu quả cho các cơ quan chức năng, cơ quan tiến hành tố tụng bắt giữ, truy tố, xét xử và đảm bảo trừng trị thích đáng người có hành vi phạm tội. Không những vậy, các quy định pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn đóng vai trò giáo dục người phạm tội có ý thức tôn trọng pháp luật để từ đó làm gương cho người dân khác noi theo, góp phần

nâng cao phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về xâm phạm sở hữu nói chung và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng.



### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề lý luận về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tác giả xin đưa ra một số kết luận như sau:

1. Việc xác định khái niệm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên đã thể hiện được đầy đủ các dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội, tính cố lỗi, tính trái PLHS và tính phải chịu hình phạt.

2. Dấu hiệu pháp lý của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao gồm: Khách thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Mặt khách quan gồm có hành vi dùng thủ đoạn gian dối và hành vi chiếm đoạt tài sản, chủ thể là người là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm theo luật định khi thực hiện hành vi phạm tội; mặt chủ quan là lỗi cố ý trực tiếp và có mục đích chiếm hữu tài sản một cách trái pháp luật trong khi tài sản đó vẫn thuộc quyền sở hữu của người khác.

3. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao gồm một khung hình phạt cơ bản, ba khung hình phạt tăng nặng với mức hình phạt nhẹ nhất là cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc 06 tháng tù giam và mức hình phạt cao nhất là tù chung thân; bên cạnh đó người phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung gồm phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Việc nghiên cứu, làm rõ các vấn đề lý luận của PLHS Việt Nam về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là cơ sở để đánh giá thực trạng quy định của PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như thực tiễn áp dụng trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023 được thuận lợi hơn.

## CHƯƠNG 4

# THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

### 4.1. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

#### 4.1.1. Các quy định của pháp luật về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015

##### a. Quy định của pháp luật hình sự trước khi ban hành Bộ luật hình sự 1985 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Các quy định về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chủ yếu được thể hiện trong các sắc lệnh, pháp lệnh mà chưa có BLHS để điều chỉnh. Cụ thể, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định lần đầu tiên trong Sắc lệnh số 73-SL ngày 17/8/1947 quy định về tội đào chiết, lừa đảo, biển thủ và thiên thủ tài sản như sau: “*Các tội đạo thiết, lừa đảo, biển thủ và thiên thủ, định trong các bộ Hình luật hiện hành, nếu tang vật không đáng giá quá một trăm đồng (100đ00) và nếu không có trường hợp tăng tội lên trọng tội, thì sẽ coi như tội vi cảnh thuộc thẩm quyền Tòa án sơ xét xử*”. Ngày 19/01/1955, Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 442/TTg trong đó có quy định “*Lừa gạt, bội tín: phạt tù từ 03 tháng đến 05 năm*” nhằm đảm bảo đường lối xét xử được thống nhất, rõ ràng giữa các địa phương. Văn bản này đã đề cập đến tên tội danh và khung hình phạt của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng chưa mô tả cụ thể hành vi phạm tội.

Ngày 21/10/2021, trên cơ sở tiếp thu các quy định trong Thông tư số 442/TTg, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 149-LCT trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh số 150-LC trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân. So với các sắc lệnh và thông tư

trước đó, hai pháp lệnh này đã mô tả cụ thể hơn hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau: “*Kẻ nào dùng giấy tờ giả mạo, gian lận trong việc cân, đong, đo, đếm, tính hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa ...*”; “*Kẻ nào dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản riêng của công dân ...*”. Bên cạnh đó, Pháp lệnh số 149-LCT và Pháp lệnh số 150-LC còn quy định cụ thể các khung hình phạt. Đối với Tội lừa đảo để chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, Điều 10 Pháp lệnh số 149-LCT quy định một CTTP cơ bản và hai CTTP tăng nặng, khung hình phạt nhẹ nhất là phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm và khung hình phạt cao nhất là phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình. Đối với Tội lừa đảo để chiếm đoạt tài sản riêng của công dân, Điều 9 Pháp lệnh số 150-LC quy định một CTTP cơ bản và một CTTP tăng nặng, với khung hình phạt nhẹ nhất là phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm và khung hình phạt nặng nhất là phạt tù từ 2 năm đến 10 năm. Có thể thấy, việc quy định rõ hơn hành vi phạm tội và các khung hình phạt đã phân hóa được TNHS của người phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Như vậy, từ năm 1945 đến trước khi có BLHS năm 1985, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định liên quan đến Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và các văn bản đó đã góp phần đảm bảo áp dụng pháp luật được thống nhất trong việc điều tra, truy tố, xét xử đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật này trong thời kỳ trước năm 1985 vẫn còn tương đối sơ khai, mang tính đơn lẻ, rời rạc, thiếu đồng bộ và chưa liên kết chặt chẽ với nhau. Vì vậy, việc ban hành một BLHS mới là vấn đề khách quan, cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng.

#### *b. Giai đoạn Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực thi hành*

Ngày 27 tháng 6 năm 1985, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VII đã thông qua BLHS đầu tiên của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. BLHS năm 1985 quy định Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản gồm Tội lừa đảo chiếm đoạt xã hội chủ nghĩa tại Điều 134 và Tội lừa đảo chiếm đoạt của công dân điều 157 như sau:

*“Điều 134. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa.*

*1- Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm.*

*...”*

*“Điều 157. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân.*

*1- Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.*

*...”*

Có thể thấy, đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, các nhà làm luật đã loại bỏ hình phạt tử hình nên mức hình phạt cao nhất là phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân, điều 157 BLHS năm 1985 đã bổ sung một cấu thành tội phạm tăng nặng tại Khoản 3 với khung hình phạt là phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Trải qua ba lần sửa đổi vào các năm 1989, năm 1991 và năm 1992 thì đến năm 1997, trong khi Tội lừa đảo CĐTS XHCN được quy định tại Điều 134a thì Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân được quy định tại Điều 157, cụ thể:

Trong sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất năm 1989 đã bổ sung thêm tình tiết “*có tính chất chuyên nghiệp*” làm tình tiết định khung tăng nặng cho cả hai Tội lừa đảo CĐTS XHCN và Tội lừa đảo CĐTS của công dân. Lần sửa đổi, bổ sung thứ hai năm 1991 đã nâng khung hình phạt cao nhất đối với cả hai tội từ chung thân đến tử hình. Trong sửa đổi, bổ sung lần thứ ba năm 1992 có quy định thêm tình tiết “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội để phạm tội*” đối với Tội lừa đảo CĐTS XHCN. Trong sửa đổi, bổ sung lần cuối cùng năm 1997, tình tiết lợi dụng chức vụ, quyền hạn được tách thành một tội độc lập là tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo CĐTS XHCN tại Điều 134a.

Có thể thấy, Bộ luật hình sự 1985 đã phần nào đã đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng. Tuy nhiên hạn chế của BLHS 1985 vẫn còn phân biệt giữa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, theo đó cùng một hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nhau nhưng tùy thuộc vào loại tài sản mà người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt sẽ bị áp dụng Điều 134 hoặc Điều 157. Bên cạnh đó; việc phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần đã làm cho BLHS năm 1985 không còn là một chỉnh thể hoàn chỉnh và thống nhất và việc ban hành một BLHS mới là nhiệm vụ cần thiết trong công cuộc phòng chống tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*c. Giai đoạn Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành*

Quốc hội khóa X đã thông qua BLHS năm 1999 vào ngày 21/12/1999, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2000. Tại BLHS năm 1999, các nhà làm luật đã nhập hai chương của BLHS năm 1985 là Chương IV và Chương VI thành một Chương XIV “*Các tội xâm phạm sở hữu*”, trong đó Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 139 như sau:

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, ...”*

BLHS năm 1999 đã có sự khác biệt so với các BLHS trước đó khi quy định trị giá tài sản bị chiếm đoạt là căn cứ để phân biệt giữa hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật hành chính. Cụ thể, nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ năm trăm nghìn đồng trở lên mới cấu thành tội phạm, nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới năm trăm nghìn đồng thì phải kèm theo điều kiện là gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị

kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì mới cấu thành tội phạm. Không những vậy, giá trị tài sản bị chiếm đoạt còn trở thành dấu hiệu định khung hình phạt. Điều 139 BLHS năm 1999 căn cứ theo giá trị tài sản bị chiếm đoạt đã chia thành năm khoản với mức hình phạt nhẹ nhất là phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm và nặng nhất là tử hình.

Có thể thấy, việc quy định Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản duy nhất tại Điều 139 không còn sự phân biệt tài sản XHCN và tài sản công dân, thể hiện sự đối xử bình đẳng của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mọi thành phần kinh tế thuộc các hình thức sở hữu khác nhau. Bên cạnh đó, việc quy định một cách cụ thể các dấu hiệu phạm tội cũng như các khung hình phạt cũng góp phần đảm bảo sự phân hóa TNHS đối với người phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 19/6/2009, tại kỳ họp thứ 05, Quốc hội khóa XII đã thông qua luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 để tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS nói chung và quy định về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng. Theo đó, các nhà làm luật đã nâng mức giá trị tài sản bị chiếm đoạt làm căn cứ truy cứu TNHS từ năm trăm nghìn đồng lên hai triệu đồng và bỏ hình phạt tử hình.

Việc thay đổi giá trị định lượng cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ “năm trăm nghìn đồng” lên “hai triệu đồng” xuất phát từ thực tiễn phát triển của nền kinh tế xã hội ở nước ta, giá trị tài sản bị chiếm đoạt “năm trăm nghìn đồng” không còn phù hợp để xác định tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi chiếm đoạt. Việc bỏ hình phạt tử hình tại khoản 4 của Điều luật thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta mà vẫn đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm đồng thời đáp ứng yêu cầu đặt ra của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: “*Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*”.

#### ***4.1.2. Quy định pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS năm 2015 vào ngày 27/11/2015 với 26 chương, 426 điều và xác định có hiệu lực vào ngày 01/7/2016. So với BLHS năm 1999, các nhà làm luật sửa đổi, bổ sung một số tình tiết là dấu hiệu định khung hình phạt như sau:

- Khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015 bỏ tình tiết chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng.

- Điểm b Khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015 quy định rõ các tội có liên quan đến tình tiết: Tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, tội trộm cắp tài sản, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. So với quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS 1999, việc quy định một cách chi tiết như vậy nhằm tránh trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng sẽ áp dụng thiếu chuẩn xác trong việc nhận định như thế nào là “*hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản*” do hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản trong BLHS bao gồm nhiều tội danh.

- Điều 174 bổ sung tình tiết “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” tại Điểm c Khoản 1 điều luật này.

- Điều 174 bổ sung tình tiết “*Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ*” tại Điểm d Khoản 1 điều luật này. Quy định này đã cụ thể hóa một số trường hợp xảy ra trên thực tế khi định giá tài sản bị thiệt hại là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại rất thấp nhưng do BLHS năm 1999 chưa quy định nên không có căn cứ truy cứu TNHS. Có thể thấy, BLHS năm 2015 đã khắc phục vấn đề này nhằm tránh các trường hợp bỏ lọt tội phạm.

- Bổ sung tình tiết “*Tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại*” tại Điểm d Khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015.

- Bổ sung tình tiết “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015

- Bổ sung tình tiết “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015.

- Khoản 3 Điều 174 bổ sung thêm một tình tiết định khung khác là “*Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh*”. Đây là quy định hợp lý, nhằm tránh các trường hợp phạm tội phát sinh trong những điều kiện khách quan đặc biệt mà chưa có quy định dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

- Bổ sung tình tiết “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này” tại Điểm b Khoản 4.

- Khoản 4 quy định mới thêm một tình tiết định khung khác là “*Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp...*” và đây cũng là sự bổ sung hợp lý, nhằm tránh bỏ lọt tội phạm trong một số trường hợp cụ thể, nhất là trong điều kiện chiến tranh, tình trạng khẩn cấp thì sự manh nha hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản gia tăng rất nhiều.

Tuy nhiên, BLHS năm 2015 đã sớm bộc lộ những sai sót trong quá trình ban hành vì vậy, ngày 29/6/2016, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLHS số 100/2015/QH13, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2016. Trong đó, đối với Tội



lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174, pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể về tình tiết “*tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại*” khiến cho nhận thức về nội hàm của tình tiết này không thống nhất, dẫn đến quá trình áp dụng điều luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử trở nên không thống nhất.

Sau đó, vào ngày 20/6/2017, Quốc hội đã ban hành Luật số 12/2017/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 để khắc phục thiếu sót trên.

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có những điểm khác biệt so với Điều 174 BLHS năm 2015, cụ thể:

- Khoản 1 Điều 174 BLHS 2017 bỏ tình tiết “*tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại*” [18].

- Khoản 2 Điều 174 BLHS 2017 bỏ tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này*” [18].

- Khoản 3 Điều 174 BLHS 2017 đã bỏ tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này*” [18].

- Khoản 4 Điều 174 BLHS 2017 đã bỏ tình tiết: “*...b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này*” [18].

#### **4.2. Thực trạng các quy định pháp luật hình sự hiện hành về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

*Thứ nhất, Về khái niệm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Điều 174 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chỉ mới quy định “Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác...” [17]. Việc không quy định khái niệm cụ thể về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như không có văn bản hướng dẫn áp dụng đã gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc phân biệt giữa hành vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với hành vi phạm tội khác có cùng dấu hiệu pháp lý là “dùng thủ đoạn gian dối”.

\* Khó khăn trong việc phân biệt giữa hành vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với hành vi phạm Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản

Một trong số những thủ đoạn mà người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản sử dụng là “lừa chạy án”, bước đầu đối tượng sẽ tạo vỏ bọc là người quen biết với Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án hoặc chính họ là những người đang công tác trong ngành. Sau đó, họ chủ động hoặc thông qua trung gian để tiếp cận với người phạm tội hoặc thân nhân của người phạm tội. Lợi dụng tâm lý mong muốn xin giảm nhẹ mức hình phạt của nạn nhân, các đối tượng đặt vấn đề “chạy án”. Sau khi nhận được tiền sẽ sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân chứ không có bất kỳ động thái nào để “chạy án” cho bị hại [10, tr.76]. Đối với những vụ án có bị cáo sử dụng thủ đoạn “lừa chạy án”, các cơ quan tiến hành tố tụng thường gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa hành vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi phạm Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản. Điều này được đánh giá thông qua vụ án sau:

Vào ngày 07/01/2021, chị Phạm Thị T, sinh năm: 1984 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú về tội mua bán trái phép chất ma túy, T được bạn giới thiệu Trịnh Lê Thanh V có mối quan hệ xã hội rộng, quen biết nhiều cán bộ trong ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án nên T liên hệ qua điện thoại để nhờ V, giúp lo cho hình phạt tù nhẹ khi Tòa án huyện C đưa ra xét xử. Lê Thanh V là điều tra viên

tại Công an quận N. Mặc dù bị cáo không được phân công giải quyết vụ án và cũng không có động thái nào giúp cho T được xử tù ở mức nhẹ, nhưng bị cáo vẫn hứa sẽ giúp lo cho T hưởng mức án nhẹ nhất và đưa ra yêu cầu với T là muốn được xử nhẹ thì phải đưa cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). T đồng ý và đã đưa 55.000.000 đồng vào tháng 01/2021. Đến đầu tháng 9/2021, sau khi được Viện kiểm sát nhân dân huyện C tổng đạt cáo trạng truy tố về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 BLHS, với khung hình phạt tù 7 - 15 năm tù. T lo sợ nên liên hệ với bị cáo để tiếp tục giúp giảm nhẹ mức hình phạt. Lúc này, bị cáo yêu cầu phải đưa số tiền 110 triệu đồng. T đồng ý và hẹn bị cáo đến quán karaoke “X” để gặp trao đổi. Thời điểm này, T nghi ngờ bị cáo lừa đảo nên đã làm đơn tố cáo đến Công an. Khoảng 10 giờ 45 phút, T tiếp tục đưa cho V 60.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng, hẹn năm ngày nữa sẽ đưa thì bị cáo đồng ý. Sau khi nhận tiền xong, bị cáo điều khiển xe mô tô mang theo số tiền 60 triệu đồng do T đưa ra về đến đoạn đường X thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tổng số tiền bị cáo V chiếm đoạt của bị hại Phạm Thị T là 115.000.000 đồng. Trong vụ án này có hai quan điểm:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: V phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. V là điều tra viên tại Công an quận N nên là người có chức vụ, quyền hạn. V đã lạm dụng chức vụ của mình để đưa ra yêu cầu với T là muốn được xử nhẹ thì phải đưa cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng. Vì vậy, V đã có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn lừa dối người khác chiếm đoạt chiếm đoạt tổng số tiền là 115.000.000 đồng.

Quan điểm thứ hai cho rằng: V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Mặc dù V không có khả năng giúp cho T được xử tù ở mức nhẹ nhưng V vẫn hứa sẽ giúp lo cho T hưởng mức án nhẹ nhất và đưa ra yêu cầu với T là muốn được xử nhẹ thì phải đưa cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng. Quan điểm này cho rằng

hành vi hứa sẽ giúp lo cho T hưởng mức án nhẹ nhất là hành vi dùng thủ đoạn gian dối, khiến cho H tin tưởng và đưa cho V tổng số tiền là 115.000.000 đồng.

\* Khó khăn trong việc phân biệt giữa hành vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với hành vi phạm Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 290 BLHS, một trong những hành vi được coi là phạm Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản hành vi lừa đảo trong thương mại điện tử nhằm chiếm đoạt tài sản. Điều 290 BLHS năm 2015 còn quy định nếu hành vi này không thuộc Điều 173 và 174 BLHS năm 2015 thì phạm Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Về bản chất, đây cũng là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà đã được quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015 [17]. Ở đây cần chú ý, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định gồm hai hành vi là hành vi lừa dối và hành vi chiếm đoạt tài sản nên tội này hoàn thành khi việc chiếm đoạt tài sản đã xảy ra; dạng hành vi lừa đảo trong thương mại điện tử nhằm chiếm đoạt tài sản được quy định chỉ có hành vi lừa dối nên tội này hoàn thành ngay khi có hành vi lừa dối.

Tuy nhiên, đối với những trường hợp người phạm tội đăng bán các mặt hàng tốt nhưng giá rẻ để chiếm đoạt tiền đặt cọc; khi hành vi của người phạm tội thỏa mãn cấu thành tội phạm của cả hai tội thì các cơ quan tiến hành tố tụng thường gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa hành vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi phạm Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Cụ thể, người phạm tội thường vào vai người bán hàng với thủ đoạn quảng cáo thông qua nền tảng các website thương mại điện tử hoặc trên zalo, fanpage, ... rằng các đối tượng này đang cung cấp các mặt hàng tốt, chất lượng cao với giá hời để đánh vào lòng tham của bị hại và yêu cầu chuyển tiền cọc trước, sau khi bị hại chuyển

tiền cọc hàng xong thì chặn liên lạc với bị hại và chiếm đoạt số tiền cọc. Điều này được thể hiện trong vụ án như sau:

Trong quá trình buôn bán hàng qua mạng xã hội Facebook, để nhanh chóng có tiền phục vụ cho các nhu cầu cá nhân, Nguyễn Thị Thùy T đã sử dụng thiết bị là điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia SOV41, Imei: 357662101089023 màu xanh đăng thông tin giả về hình ảnh các sản phẩm cao cấp, có thương hiệu kèm theo sản phẩm với giá thành rẻ trên ứng dụng Facebook và Zalo nhằm thu hút người mua. Sau khi có người mua hàng, thỏa thuận giá bán thì yêu cầu chuyển tiền trước vào các số tài khoản ngân hàng do T cung cấp, sử dụng và quản lý, khi đã nhận được tiền, T chủ động chặn liên lạc, không gửi hàng như đã cam kết và chiếm đoạt số tiền đó. Để thực hiện thủ đoạn trên, Nguyễn Thị Thùy T đã tự tạo lập các tài khoản Facebook “ảo” với tên “LyLy House” để đăng bán các mặt hàng áo quần, túi xách, giày dép... chất lượng cao.

Vào khoảng cuối tháng 3 năm 2020, chị Bùi Thị Thùy L năm 1999, trú tại 162 LT, T Y, Quảng Ninh có vào kết bạn Zalo với tài khoản Zalo “Chuyên Qacq Trịnh Tuấn” của Nguyễn Thị Thùy T, sau đó chị L hỏi mua các mặt hàng quần áo cao cấp do T đã đăng bán trước đó với giá thành thấp, các mặt hàng này T tải trên các trang mạng về và tự đăng lên. Chị L chọn mua nhiều mặt hàng khác nhau (theo các hình ảnh mặt hàng mà T đã đăng), sau khi đã thống nhất giá cả và mặt hàng, T cung cấp cho chị L số tài khoản ngân hàng: 9704229250647794, tên chủ tài khoản Trịnh Hoàng T và yêu cầu chị L chuyển tiền trước T mới chuyển hàng. Chị L đã đồng ý.

Từ ngày 22/3/2022 đến khoảng ngày 24/3/2020, chị L sử dụng số tài khoản: 0551000319513, tên chủ sở hữu Bùi Thị Thùy L, đã chuyển vào tài khoản trên do T cung cấp 06 lần tiền, tổng tiền là 17.130.000 đồng (mười bảy triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Mỗi lần chuyển tiền chị L đều chụp ảnh gửi thông báo cho T để xác nhận việc đã chuyển tiền. Tuy nhiên, khi đã nhận được tiền T

chủ động cắt liên lạc với chị L và không gửi hàng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của chị Bùi Thị Thùy L là: 17.130.000 đồng (mười bảy triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Trong vụ án này có hai quan điểm:

Quan điểm thứ nhất cho rằng T phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. T đã có hành vi gian dối khi đăng thông tin không đúng sự thật về hình ảnh các sản phẩm cao cấp có giá thành rẻ trên ứng dụng Facebook và Zalo nhằm thu hút nhu cầu mua hàng của người khác. Tiếp theo, bằng việc sử dụng thủ đoạn này, T đã chiếm đoạt tài sản của chị L với số tiền là 17.130.000 đồng.

Quan điểm thứ hai cho rằng T phạm Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 290 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Sở dĩ như vậy bởi trong trường hợp này, T đã có hành vi lừa dối: sử dụng phương tiện điện tử là điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia SOV41 màu xanh để đăng thông tin giả về các sản phẩm cao cấp với giá thành rẻ trên ứng dụng Facebook và Zalo nhằm mục đích thu hút người mua chuyển tiền và T sẽ chiếm đoạt số tiền đó. Vì vậy, ngay khi thực hiện hành vi lừa dối này, T đã phạm Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản ở giai đoạn tội phạm hoàn thành.

*Thứ hai, Về tình tiết định Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Đối với tình tiết “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”, có thể thấy đây là một tình tiết, hậu quả mang tính phi vật chất nên việc đánh giá, áp dụng để mang tính tùy nghi, phụ thuộc vào nhận thức của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Điều này đặt ra yêu cầu cần có văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể nhằm giúp các cơ quan, người tiến hành tố tụng có nhận thức thống nhất về nội hàm cũng như cách áp dụng vào những trường hợp nào trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các tội về xâm phạm sở hữu nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng. Mặc dù BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực từ 01/01/2018 nhưng đến nay vẫn chỉ có hướng dẫn

quy định tại khoản 4 Điều 4 về một số tình tiết định khung hình phạt của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm chức vụ như sau:

*“4. Tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” quy định tại khoản 3 các điều 353, 355 của Bộ luật Hình sự là một trong các trường hợp sau:*

*a) Gây khiêu khích đông người, biểu tình, gây rối để các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo, kích động chống phá chính quyền, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước;*

*b) Gây hoang mang, lo sợ hoặc phẫn nộ trong nhân dân;*

*c) Gây khó khăn trong việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.” [3].*

Việc chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng đối với các tội xâm phạm sở hữu, trong đó có tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản sẽ dẫn đến tình trạng các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng có những cách hiểu khác nhau và nhận thức thiếu thống nhất trong thực tiễn áp dụng. Nếu như các cơ quan tiến hành tố tụng không thận trọng đánh giá sẽ dẫn đến oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

Đối với tình tiết *“Dùng thủ đoạn xảo quyệt”*, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào có hướng dẫn cụ thể về cách áp dụng tình tiết này trong thực tiễn xét xử đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và các tội xâm phạm sở hữu khác mà chỉ có hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ như sau: *“là trường hợp người phạm tội sử dụng thủ đoạn dối trá một cách tinh vi, sử dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi phạm tội, che giấu tội phạm, đổ tội cho người khác hoặc người phạm tội có hành vi tiêu hủy chứng cứ, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm”*. Trong khi đó, hành vi đặc trưng

của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là sử dụng thủ đoạn gian dối. Việc chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng đối với các tội xâm phạm sở hữu, trong đó có tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản sẽ dẫn đến tình trạng các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng có những quan điểm khác nhau về mức độ gian dối được coi là “tinh vi, xảo quyệt” và áp dụng một cách không thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử loại tội này.

#### *Thứ ba, Về chủ thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Trong BLHS năm 2015, pháp nhân thương mại đã được bổ sung là chủ thể của tội phạm. Tuy nhiên pháp nhân thương mại chỉ bị truy cứu TNHS khi thực hiện hành vi phạm tội được liệt kê tại Điều 76 BLHS nhưng đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài không được liệt kê trong số các tội đó. Vì vậy, pháp nhân thương mại vẫn chưa được coi là chủ thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều pháp nhân thương mại thành lập không nhằm mục đích kinh doanh mà thành lập nhằm mục đích lợi dụng danh nghĩa kinh doanh để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng các pháp nhân thương mại này lại không bị truy cứu TNHS khi thực hiện hành vi phạm tội mà chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

#### *Thứ tư, Về định giá tài sản bị chiếm đoạt trong Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định 30/2018/NĐ-CP quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự, một trong các căn cứ để định giá tài sản là giá thị trường của tài sản [2]. Cụ thể, Điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư 30/2020/TT-BTC quy định giá thị trường của tài sản là giá giao dịch phổ biến trên thị trường của loại tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự với tài sản cần định giá tại thời điểm định giá và địa điểm định giá được yêu cầu định giá. Định giá tài sản trong tố tụng hình sự đóng vai trò quan trọng trong việc xác định tính chất, mức độ của phạm tội, qua đó xác định chính xác khung hình



phạt, mức hình phạt được áp dụng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; giả sử giá thị trường của tài sản bị chiếm đoạt không tương đồng với giá trị số tiền mà người phạm tội đã chiếm đoạt của người bị hại thì cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xử lý như thế nào. Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn đối với trường hợp này. Vì vậy, khi xảy ra tình huống không có sự tương đồng về giá thị trường của tài sản bị chiếm đoạt và giá trị số tiền của người bị hại bị chiếm đoạt thì các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ gặp khó khăn trong việc xác định giá trị tài sản làm căn cứ truy cứu mức độ chịu TNHS của người phạm tội [1].

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; trên thực tế không ít trường hợp tài sản bị chiếm đoạt thuộc trường hợp tài sản bị mất, thất lạc; tài sản bị hủy hoại, hư hỏng toàn bộ và không có khả năng khôi phục lại tình trạng của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng. Đối với trường hợp này, phương pháp định giá được Điểm d Khoản 1 Điều 17 Nghị định 30/2018/NĐ-CP quy định như sau: *“Hội đồng định giá xác định giá của tài sản theo hồ sơ của tài sản trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được về tài sản cần định giá”*. Tuy nhiên, trên thực tế xảy ra tình trạng cơ quan điều tra không tìm được loại tài sản tương tự với tài sản cần định giá. Lúc này, các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ có thể dựa vào lời khai của người phạm tội và người bị hại để xác định giá trị tài sản. Trong khi đó, người bị hại có thể khai theo hướng làm tăng trị giá tài sản bị chiếm đoạt và người phạm tội có thể khai theo hướng làm giảm giá trị tài sản đã chiếm đoạt. Do vậy, việc chỉ phụ thuộc vào lời khai của người phạm tội và người bị hại sẽ khiến cho việc tiến hành định giá tài sản trở nên khó khăn.

#### **4.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Theo số liệu thống kê của TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2023, công tác giải quyết các vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được thể hiện qua bảng số liệu sau:

**Bảng 4.1. Số vụ án, bị cáo đưa ra xét xử về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023**

Năm	Tổng thụ lý		Xét xử		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Tòa trả hồ sơ để điều tra bổ sung	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2019	12	15	11	14	0	0	0	0	0	0
2020	14	15	11	12	0	0	0	0	03	03
2021	20	23	16	19	0	0	0	0	03	03
2022	34	43	24	27	0	0	0	0	04	06
2023	49	54	41	46	0	0	0	0	01	01
<b>Tổng</b>	<b>129</b>	<b>150</b>	<b>103</b>	<b>118</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>13</b>

Nguồn: TAND quận Nam Từ Liêm

- Năm 2019, TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã thụ lý 12 vụ/15 bị cáo, không có hồ sơ nào bị trả lại. Tòa án đưa ra xét xử và định tội danh 11 vụ/14 bị cáo.

- Năm 2020, TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã thụ lý 14 vụ/15 bị cáo, đã trả hồ sơ 03 vụ/03 bị cáo. Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả hồ sơ của Tòa án. Tòa án đưa ra xét xử và định tội danh 11 vụ/12 bị cáo.

- Năm 2021, TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã thụ lý 20 vụ/23 bị cáo, đã trả hồ sơ 03 vụ/03 bị cáo. Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam

Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả hồ sơ của Tòa án. Tòa án đưa ra xét xử và định tội danh 16 vụ/19 bị cáo.

- Năm 2022, TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã thụ lý 34 vụ/43 bị cáo, đã trả hồ sơ 04 vụ/06 bị cáo. Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả hồ sơ của Tòa án. Tòa án đưa ra xét xử và định tội danh 24 vụ/27 bị cáo.

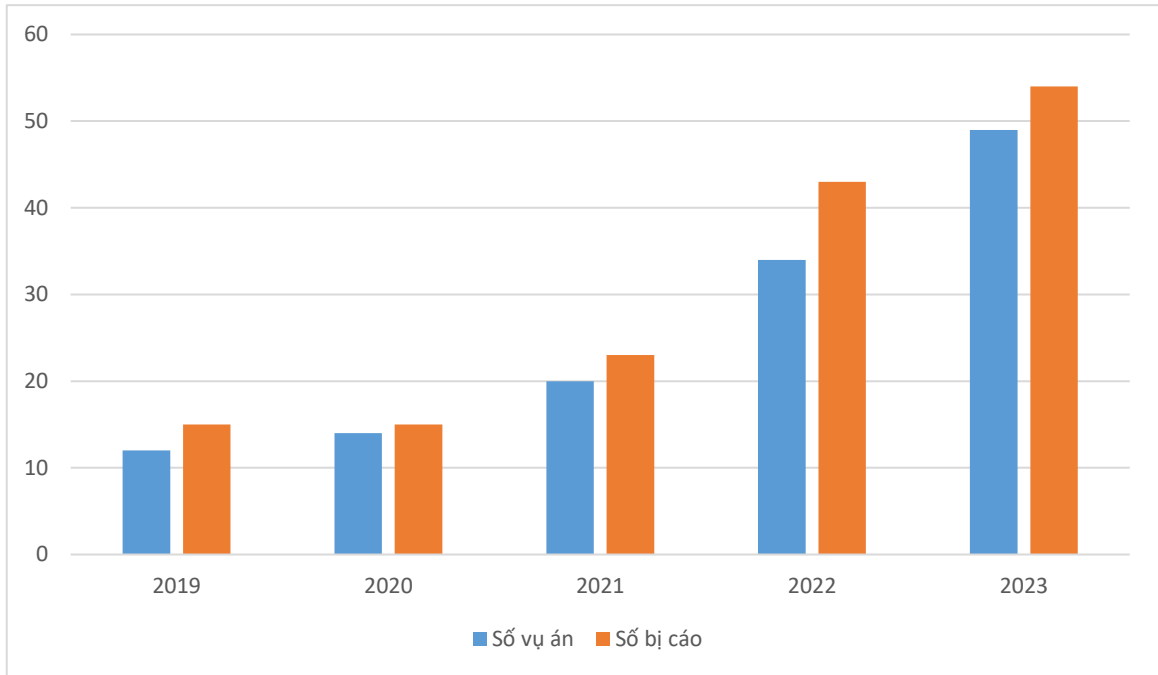
- Năm 2023, TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã thụ lý 49 vụ/54 bị cáo, đã trả hồ sơ 01 vụ/01 bị cáo. Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả hồ sơ của Tòa án. Tòa án đưa ra xét xử và định tội danh 41 vụ/46 bị cáo.

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2023, công tác xét xử các vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được thể hiện qua bảng số liệu sau:

***Bảng 4.2. Thống kê số vụ án và số bị cáo đưa ra xét xử về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023.***

Năm	Xét xử		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2019	12	15	9,3%	10%
2020	14	15	10,85%	10%
2021	20	23	15,50%	15,33%
2022	34	43	26,35%	28,66%
2023	49	54	38%	36%
<b>Tổng</b>	<b>129</b>	<b>150</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Nguồn: TAND quận Nam Từ Liêm



***Biểu đồ 4.3. Số vụ án, bị cáo đưa ra xét xử về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023***

Theo số liệu trong bảng 4.2 và biểu đồ 4.3, có thể thấy diễn biến tình hình Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội có xu hướng tăng trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023, cụ thể:

Về số vụ án, so với năm 2019, số vụ án trong năm 2020 tăng 02 vụ (tăng 1,55%). Số vụ án trong năm 2021 có xu hướng tăng lên khi tăng 06 vụ so với năm 2020 (tăng 4,65%). Số vụ án trong năm 2022 tiếp tục có xu hướng tăng lên tới 14 vụ (tăng 10,85% so với năm 2021) và tiếp tục tăng vào năm 2023 với 15 vụ (tăng 11,65% so với năm 2022).

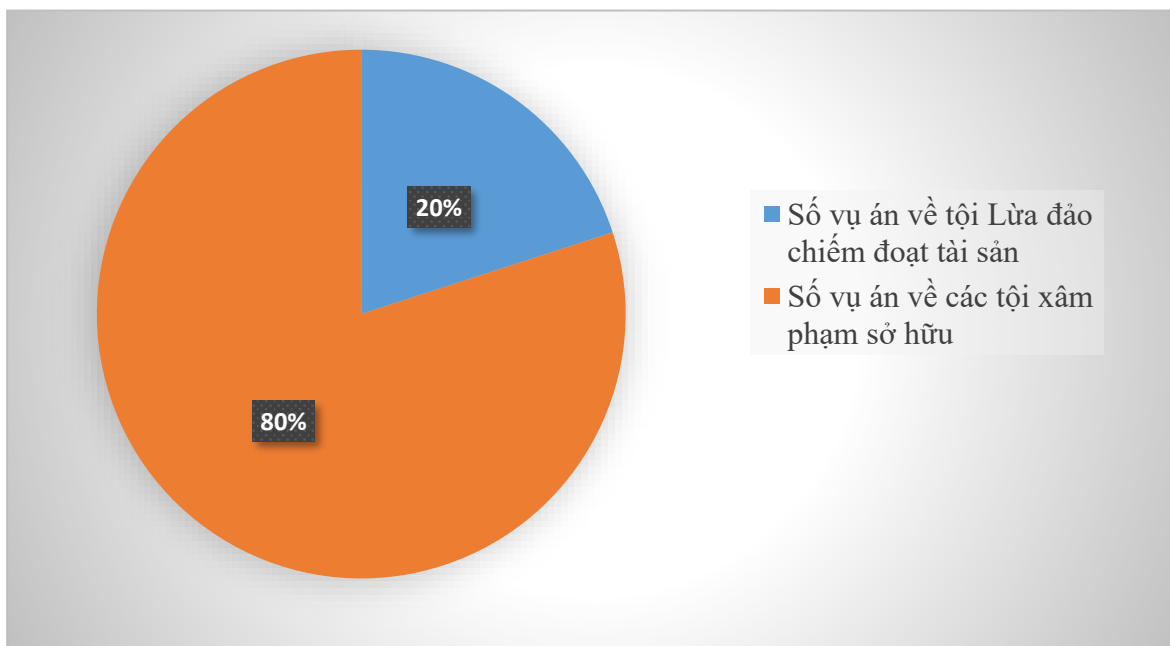
Về số bị cáo, so với năm 2019, số bị cáo trong năm 2020 không có sự thay đổi về số lượng. Trong năm 2021, số bị cáo phạm Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tăng 08 người so với năm 2020 (tăng 5,33%). Trong năm 2022, số bị cáo phạm Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tăng 20 người so với năm 2021 (tăng

13,33%). Trong năm 2023, số bị cáo phạm Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có xu hướng tăng 11 người so với năm 2022 (tăng 7,34%).

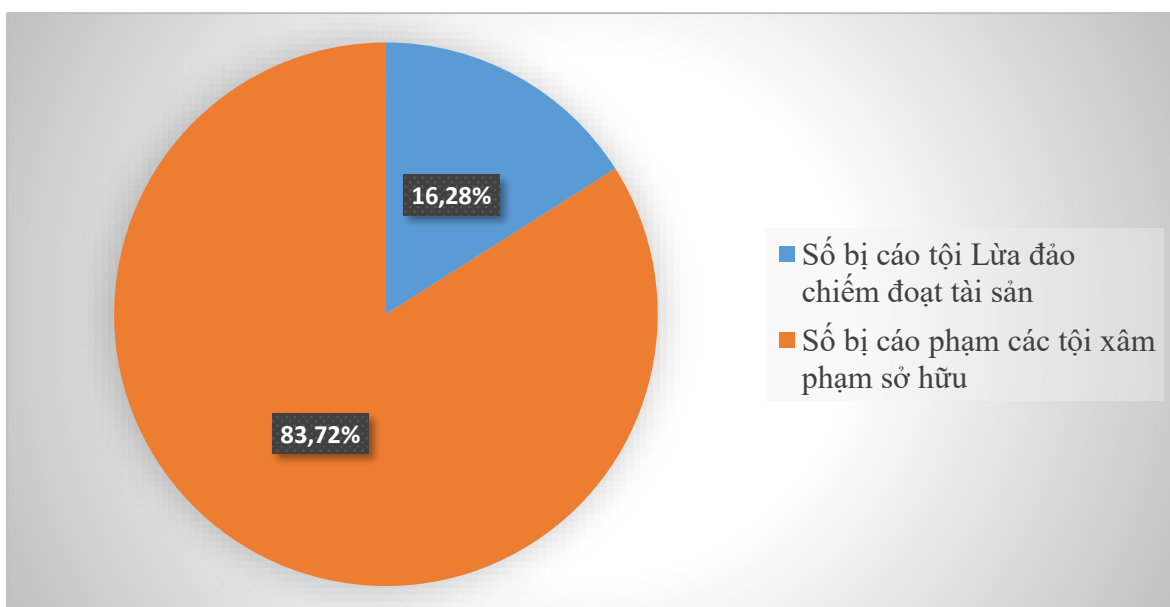
**Bảng 4.4. Tỷ lệ tổng số vụ án và bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với tổng số vụ án và bị cáo phạm các tội về xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023**

Năm	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản		Các tội xâm phạm sở hữu		Tỷ lệ	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2019	12	15	125	176	9,60%	8,52%
2020	14	15	128	189	10,93%	7,93%
2021	20	23	104	154	19,23%	14,93%
2022	34	43	122	158	27,86%	27,21%
2023	49	54	164	244	29,87%	22,13%
<b>Tổng</b>	<b>129</b>	<b>150</b>	<b>643</b>	<b>921</b>	<b>20%</b>	<b>16,28%</b>

Nguồn: TAND quận Nam Từ Liêm



***Biểu đồ 4.5. Tỷ lệ tổng số vụ án về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với tổng số vụ án các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023***



***Biểu đồ 4.6. Tỷ lệ tổng số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với tổng số bị cáo phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023***

Từ các bảng số liệu và biểu đồ trên, có thể thấy số vụ án và số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số vụ án và số bị cáo phạm các tội xâm phạm sở hữu. Từ năm 2019 đến năm 2023, số vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 20% trong nhóm tội phạm về xâm phạm sở hữu và số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 16,28% trong số những người vi phạm các tội về xâm phạm sở hữu.

Tỷ lệ số vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với số vụ án các tội phạm về xâm phạm sở hữu tại địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xảy ra từ năm 2019 đến năm 2023 có xu hướng lúc tăng lên. Năm 2019, tỉ lệ số vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 9,60% tổng số vụ án về các tội xâm phạm sở hữu. Trong hai năm tiếp theo, tỉ lệ này có chiều hướng gia tăng khi số vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 10,93% vào năm 2020 (tăng 1,33% so với năm 2019) và tiếp tục tăng vào năm 2021 với tỷ lệ là 19,23% (tăng 8,3% so với năm 2020). Đến năm 2022, tỷ lệ này tiếp tục tăng 27,86% (tăng 8,63% so với năm 2021) trước khi đạt đỉnh vào năm 2023 với tỷ lệ là 29,87% (tăng 2% so với năm 2022).

Tỷ lệ số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản so với số bị cáo phạm các tội xâm phạm sở hữu cũng có xu hướng tăng lên. Năm 2019, Tỷ lệ số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 8,52% tổng số bị cáo phạm các tội xâm phạm sở hữu. Trong năm tiếp theo, tỉ lệ này có chiều hướng giảm nhẹ khi số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 7,93% vào năm 2020 (giảm 0,59% so với năm 2019) trước khi tiếp tục tăng lên vào năm 2021 với tỷ lệ là 14,93% (tăng 07% so với năm 2020). Đến năm 2022, tỷ lệ này tiếp tục tăng lên 27,21% (tăng 12,28% so với năm 2021) trước khi giảm xuống còn 22,13% vào năm 2023 (giảm 5% so với năm 2022).

Theo số liệu thống kê được từ TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, trong 05 năm giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023, hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội được thể hiện như sau:

**Bảng 4.7. Hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2023**

<b>Năm</b>	<b>Án treo</b>	<b>Phạt tiền</b>	<b>Phạt cải tạo không giam giữ</b>	<b>Tù từ 03 năm trở xuống</b>	<b>Tù từ trên 03 năm đến 07 năm</b>	<b>Tù từ trên 07 năm đến 15 năm</b>	<b>Tù từ trên 15 năm đến 20 năm</b>	<b>Tù chung thân</b>
2019	02	0	0	09	01	02	0	0
2020	02	0	0	06	01	03	0	0
2021	02	0	0	06	07	04	0	0
2022	02	0	01	09	11	04	0	0
2023	08	0	01	18	09	10	0	0
<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>02</b>	<b>48</b>	<b>29</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Nguồn: TAND quận Nam Từ Liêm

Qua bảng 4.7 cho thấy từ năm 2019 đến năm 2023, trong số các bị cáo bị xét xử về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, các bị cáo chủ yếu bị áp dụng hình phạt tù từ 03 năm trở xuống với 48 bị cáo, phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm là 29 bị cáo và phạt tù từ 07 năm đến 15 năm là 23 bị cáo.

Thông qua những số liệu về các bảng nêu trên, có thể thấy một số đặc điểm nổi bật về tình hình Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản diễn ra trên địa bàn



quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023 như sau:

*Thứ nhất*, Số lượng bị cáo và số lượng các vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản không có sự chênh lệch lớn, cho thấy số lượng người phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong một vụ án tương đối ít, chỉ khoảng từ một đến hai đối tượng.

*Thứ hai*, trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay, với sự chuyển dịch sang nền kinh tế số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, nhiều hình thức giao dịch điện tử, trực tuyến được triển khai... Tuy nhiên, một bộ phận người dân vẫn còn hạn chế về nhận thức, nhẹ dạ cả tin, mất cảnh giác đã trở thành điều kiện thuận lợi cho các đối tượng phạm tội, từ đó dẫn đến sự gia tăng ngày càng nhiều về số vụ án phạm Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*Thứ ba*, quá trình phát triển nhanh chóng về kinh tế của quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã kéo theo rất nhiều mặt trái khi đã thu hút một số lượng không nhỏ dân cư từ các tỉnh thành, khu vực khác đến sinh sống, học tập, làm việc. Điều này đã làm tình hình an ninh trật tự xã hội có diễn biến hết sức phức tạp làm gia tăng tình hình tội phạm nói chung trong đó có tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*Thứ tư*, Qua số liệu tại bảng, trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023, các bị cáo chủ yếu bị áp dụng hình phạt tù từ 03 năm trở xuống. Đa số các bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, đa số các bị cáo đều thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, là trường hợp một bị cáo đã phạm thực hiện ít nhất hai lần hành vi phạm tội và cả hai lần đó đều chưa bị xét xử.

**\* Đánh giá việc áp dụng pháp luật hình sự đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*a. Thành tựu đạt được*

Trong những năm gần đây, công tác xét xử các vụ án hình sự về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhìn chung đã đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng theo quy định của pháp luật và hầu như không có sai sót. Hình phạt Tòa án áp dụng đối với các bị cáo đảm bảo sự nghiêm minh, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn quận. Điều này được thể hiện qua bản án sau đây:

Khoảng tháng 8/2021, Nguyễn Ngọc H có quen biết anh Phùng Đắc T qua mạng xã hội Zalo. Quá trình quen biết, do nợ nần ngoài xã hội và cần tiền chi tiêu, trả nợ nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T bằng hình thức mạo danh mẹ mình là bà Trương Thị H để lừa rủ anh T góp vốn kinh doanh rượu ngoại qua đó chiếm đoạt số tiền góp vốn này của anh T. Sau đó, H nói với anh T là mẹ H là bà Trương Thị H đang kinh doanh rượu ngoại và cần người cùng góp vốn để kinh doanh rượu, chia 50% số tiền lãi kinh doanh và hỏi anh T có tham gia góp vốn cùng mẹ H không, tin tưởng H nên anh T đồng ý. H sau đó đã sử dụng một sim điện thoại (không nhớ số điện thoại) tạo một tài khoản Zalo với tên “Huệ Trương” để mạo danh bà Trương Thị H và giới thiệu để anh T kết bạn với mẹ mình qua tài khoản Zalo “Huệ Trương”. Sau khi anh T kết bạn, H đã dùng tài khoản Zalo “Huệ Trương” để mạo danh là bà Trương Thị H rồi nhắn tin trao đổi với anh T việc đang kinh doanh rượu ngoại, lợi nhuận cao, cần vốn để kinh doanh, nếu anh T góp vốn thì bà Trương Thị H sẽ chia tiền lãi cho anh T theo số vốn đã góp. Tin tưởng tài khoản Zalo “Huệ Trương” là của bà Trương Thị H (là mẹ H) và những thông tin tài khoản do zalo này cung cấp là thật nên anh T đồng ý. Sau đó, theo yêu cầu của tài khoản Zalo “Huệ Trương” từ ngày 02/9/2021 đến ngày 14/10/2021, tại khu vực tòa nhà M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, anh T đã nhiều lần chuyển khoản tiền góp vốn để kinh doanh rượu ngoại với bà Trương Thị H theo yêu cầu từ tài khoản Zalo “Huệ Trương”, anh T đã chuyển tiền góp vốn vào các tài khoản số

0120132028888 tại ngân hàng MBBank và tài khoản số 151817106 tại ngân hàng VPBank (đều mang tên Nguyễn Ngọc H) cùng tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank mang tên Trương Thùy T, với tổng số tiền là 343.300.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 02/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 của mình tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 54.300.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của Nguyễn Ngọc H.

- Ngày 07/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 020088421966 tại ngân hàng Sacombank của bà Nguyễn Thị T (là mẹ anh T) chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản số 19037487505015 tại ngân hàng Techcombank của Nguyễn Ngọc H và sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

- Ngày 08/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 32.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

- Ngày 09/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

- Ngày 16/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB chuyển lần lượt số tiền là 57.000.000 đồng và 10.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

- Ngày 10/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 020088421996 tại ngân hàng Sacombank của bà Nguyễn Thị T (là mẹ anh T) chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

- Ngày 14/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 của mình tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

Đối với số tiền anh T chuyển vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T, sau khi nhận được tiền, chị T đã chuyển khoản lại số tiền tương ứng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của Nguyễn Ngọc H.

Toàn bộ số tiền 343.300.000 đồng chiếm đoạt của anh T là tiền anh T chuyển khoản để góp vốn kinh doanh rượu ngoại theo yêu cầu của tài khoản Zalo “Huệ Trương”, chuyển khoản vào tài khoản của H và chị T, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết (hiện chưa khắc phục được hậu quả).

Ngoài số tiền anh T chuyển khoản theo yêu cầu của Zalo “Huệ Trương” để góp vốn kinh doanh rượu trên, anh T còn nhiều lần chuyển khoản tiền cho H vay, thanh toán hộ hoặc cho tiền H và các khoản tiền này đều không liên quan đến việc góp vốn kinh doanh rượu qua tài khoản Zalo “Huệ Trương”, cụ thể: Ngày 03/9/2021, H nhờ anh T chuyển khoản trả tiền mua hàng trên mạng, anh T đồng ý và sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 3.120.000 đồng vào tài khoản số 868619929999 tại ngân hàng MBBank của Nguyễn Thanh T; Ngày 07/9/2021, H tiếp tục nhờ anh T chuyển khoản trả giúp H tiền mua hàng trên mạng, anh T đồng ý và sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 1.670.000 đồng vào tài khoản số 9200133886666 tại ngân hàng MBbank của Doãn Ý N; Ngày 30/8/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số tiền là 6.000.000 đồng và 1.000.000 đồng vào tài khoản số 151817106 tại ngân hàng VPbank của H (Hai khoản tiền này là anh T cho H).

Các khoản anh T chuyển khoản cho H vay, cụ thể: Ngày 31/8/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số tiền là 6.600.000 đồng và 12.100.000 đồng vào tài khoản số 151817106 tại ngân hàng Vpbank của H; Ngày 08/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 20.000.000

đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 13/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 15/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số tiền là 36.300.000 đồng và 3.600.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 04/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền là 1.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 05/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền là 2.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 25/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền là 500.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 02/11/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 800.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H.

Ngoài ra anh T còn cho H vay số tiền mặt là 11.910.000 đồng, nhưng anh T không nhớ rõ cho vay ngày nào. Tổng số tiền anh T cho H vay là 114.810.000 đồng. Tổng số tiền anh T trả giúp H tiền mua hàng qua mạng là 4.790.000 đồng. Số tiền anh T cho H là 7.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh T cho H vay và trả tiền mua hàng hộ cho H là 119.600.000 đồng.

Vào các ngày 01/9/2021, 08/9/2021, 09/9/2021, 14/9/2021, 16/9/2021, H đã dùng tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H lần lượt chuyển khoản trả số tiền là 21.000.000 đồng, 18.700.000 đồng, 20.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 39.900.000 đồng vào tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T. Tổng số tiền H đã trả cho anh T là 119.600.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 10 năm 2021, do cần tiền nên anh T đã yêu cầu bà Trương Thị H gặp mặt và trả lại tiền góp vốn. Lúc này, H không có tiền khác

phục trả cho anh T nên nảy sinh ý định nhờ người đóng giả bà Trương Thị H để khát nợ. Ngày 24/10/2021, H liên lạc với chị Nguyễn Vũ Hồng A, làm nghề môi giới nhân sự nhờ chị A tìm người đóng giả bà Trương Thị H để gặp anh T xin khát tiền trả nợ trong thời gian 01 tuần với giá thù lao là 3.000.000 đồng. Chị A đồng ý rồi nhờ bạn là chị Nguyễn Thị Thu H đóng giả mẹ của H và được chị Nguyễn Thị Thu H đồng ý. H sau đó tải ảnh chân dung của chị Nguyễn Thị Thu H và đặt làm ảnh đại diện của tài khoản Zalo “Huệ Trương” để anh T gặp mặt và tin chị Nguyễn Thị Thu H là bà Trương Thị H (là mẹ của H).

Trưa ngày 25/10/2021, H cùng chị A và Nguyễn Thị Thu H gặp nhau tại gần quán Café Cộng, phường G, quận B, thành phố Hà Nội để thống nhất khi gặp anh T thì chị Nguyễn Thị Thu H sẽ đóng giả bà Trương Thị H là mẹ của H rồi nói cho T biết rằng đã sử dụng số tiền anh T đã đưa để kinh doanh rượu ngoại, do trực trặc với bên đối tác nên hẹn sẽ trả anh T trong vòng 01 tuần. H đã dùng tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 6660127126666 tại ngân hàng Mbbank của chị A để đặt cọc tiền thuê người. Khi anh T đến, chị Nguyễn Thị Thu H mạo danh mình là bà Trương Thị H, còn chị A đóng giả là người kinh doanh thủy sản với bà Trương Thị H rồi cùng H nói cho T biết rằng bà Trương Thị H đã sử dụng số tiền anh T đưa để kinh doanh rượu ngoại, do trực trặc với bên đối tác nên hẹn sẽ trả anh T trong vòng 01 tuần, anh T đồng ý và ra về. H sau đó đã trả cho chị A 2.000.000 đồng tiền phí thuê người còn lại. Chị A chở Nguyễn Thị Thu H về và trả cho Nguyễn Thị Thu H số tiền là 500.000 đồng tiền công đóng giả bà Trương Thị H.

Ngoài ra, vào khoảng giữa tháng 10/2021, do H không có điện thoại để sử dụng nên nảy sinh ý định nhờ anh T mua điện thoại rồi chiếm đoạt tiền mua điện thoại của anh T. Sau đó, H đã sử dụng tài khoản Zalo “Huệ Trương” để mạo danh bà Trương Thị H nhờ anh T mua hộ cho H 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max với cam kết sẽ trả tiền mua cho anh T để anh T tin tưởng. Do tin

tưởng là mẹ của H nhờ thật nên anh T đã mua điện thoại Iphone 11 Pro Max đưa cho H.

Đến đầu tháng 11/2021, anh T đã nhiều lần nhắn tin đến Zalo “Huệ Trương” yêu cầu trả tiền, nhưng không đòi được tiền. Đến ngày 14/11/2021, anh T đến nhà H tại phường N, quận B, thành phố Hà Nội và được biết bà Trương Thị H không kinh doanh rượu thì H thú nhận với anh T việc H đã gian dối và mạo danh bà Trương Thị H để chiếm đoạt tiền và chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max của anh T. Ngày 23/01/2022, sau khi chốt số tiền phải trả (bao gồm tiền góp vốn kinh doanh rượu ngoại và tiền mua điện thoại), H viết một bản cam kết sẽ hoàn trả cho anh T số tiền là 365.000.000 đồng trong vòng từ 10 đến 11 tháng nhưng sau đó do H vẫn không trả tiền cho anh T theo cam kết nên anh T đã có đơn trình báo cơ quan Công an. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Căn cứ vào điểm a Khoản 3 Điều 174, Điểm s, n Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS, TAND quận N, thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 07 năm 06 tháng tù.

***Sau khi nghiên cứu, đánh giá Bản án số 50/2023/HSST, tôi rút ra nhận xét như sau***

- Về định tội danh, có thể thấy việc TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc H đã thành khẩn khai nhận hành vi của mình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 02/9/2021 đến ngày 14/10/2021, tại phường M, quận N, thành phố Hà Nội, Nguyễn Ngọc H đã nhiều lần có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản bằng cách lập tài khoản Zalo “Huệ Trương” và giả mạo

là bà Trương Thị H (là mẹ của H) để anh Phùng Đắc T tin tưởng kết bạn sau đó nhắn tin, trao đổi và rủ anh Phùng Đắc T góp vốn để kinh rượu ngoại và giả danh bà Trương Thị H để nhờ anh T mua giúp chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max sau đó chiếm đoạt để sử dụng và chi tiêu cá nhân. Anh Phùng Đắc T do tin tưởng nên đã góp vốn để kinh doanh rượu ngoại với số tiền 343.300.000 đồng và đã mua hộ cho H điện thoại Iphone 11 Pro Max trị giá 13.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Ngọc H đã gian dối chiếm đoạt được của anh Phùng Đắc T là 356.300.000 đồng. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của BLHS.

- Về quyết định hình phạt, TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 07 năm 06 tháng tù là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật vì:

Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 365.000.000 đồng. Về tình tiết tăng nặng: bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng điểm g khoản 1 điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đang mang thai do vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điểm s, n Khoản 1 Điều 51 của BLHS

*Thứ hai*, Năng lực chuyên môn của các cán bộ làm công tác tư pháp trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ngày càng được chú trọng nâng cao. Hàng năm, TANDTC đã tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ xét xử, nghiệp vụ Thư ký tòa án bằng hình thức trực tuyến, các lớp tập huấn kiến thức pháp luật cho Thẩm phán,... và các cán bộ tại các TAND trên địa bàn thành phố Hà Nội luôn được tạo điều kiện thuận lợi trong việc tham gia các lớp đào tạo như vậy, qua đó ngày càng được bồi dưỡng, nâng cao về kiến thức cũng như nghiệp vụ chuyên môn. Ngoài các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch định kỳ; các Thẩm phán TANDTC còn trực tiếp tập huấn theo chuyên đề cụ thể cho



đội ngũ công chức có chức danh tư pháp của các Tòa án thông qua hệ thống truyền hình trực tuyến. Nội dung tập huấn tập trung vào các quy định mới của pháp luật cũng như các hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Việc ứng dụng hệ thống truyền hình trực tuyến vào công tác đào tạo, bồi dưỡng đã giúp các cán bộ tư pháp có cơ hội được tham gia quá trình đào tạo, từ đó ngày càng trau dồi thêm kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn của bản thân.

*b. Một số hạn chế, bất cập*

*Thứ nhất*, hình phạt cải tạo không giam giữ còn ít được áp dụng trong quá trình quyết định hình phạt

Khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015 quy định cải tạo không giam giữ là một trong những hình phạt chính được áp dụng đối với người phạm tội dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp Khoản 1 Điều này [17]. Tuy nhiên, trên thực tế, rất nhiều trường hợp Thẩm phán ngại xem xét, đánh giá cũng như áp dụng hình phạt này đối với người phạm tội mà chủ yếu áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Điều này dẫn đến tình trạng trong khi người phạm tội đáp ứng đủ các điều kiện để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng họ lại phải chịu hình phạt khác nghiêm khắc hơn. Một trong những vướng mắc khiến cho hình phạt cải tạo không giam giữ ít được áp dụng đối với người phạm Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là do chưa có sự thống nhất về nhận thức đối với điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Khoản 1 Điều 36 BLHS năm 2015 quy định những điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như sau: Người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng do BLHS quy định; Người phạm tội phải có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng; Xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội. Trong khi đó, đối với điều kiện “xét thấy không cần thiết cách ly người phạm tội khỏi xã hội”, hiện nay chưa có văn

bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, dẫn đến sự tùy nghi, chủ quan trong nhận thức và áp dụng của Tòa án khi xét xử.

*Thứ hai*, Trong quá trình áp dụng pháp luật còn xảy ra vướng mắc khi một số quyết định hình phạt được đưa ra chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm. Lấy ví dụ từ hai bản án sau:

**Bản án số: 257/2022/HSST tại TAND quận N, thành phố Hà Nội**

\* Nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Khoảng đầu năm 2020, Nguyễn Công T do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dùng facebook. T mở 01 tài khoản Facebook lấy tên giả là “Thu Nguyễn” và đăng bài giới thiệu bản thân là nhân viên ngân hàng VP Bank, nhận làm thủ tục cho vay trả góp cho những người sử dụng thẻ ngân hàng VP Bank trên Facebook, nếu ai có nhu cầu thì liên hệ, sau đó chiếm đoạt tiền phí làm hồ sơ và tiền chứng minh thu nhập của người đăng ký vay.

Ngày 17/01/2020, do đọc bài đăng của tài khoản “Thu Nguyễn” của T nên anh Trần Quang H (SN 2001, HKTT: xóm 7, xã G, tỉnh N) đã mượn tài khoản của bạn là chị Trần Thị D (SN 1990, HKTT: xã G, huyện G, tỉnh N) mang tên “Duyên Trần” chủ động nhắn tin với tài khoản facebook “Thu Nguyễn” đề nghị được làm hồ sơ vay trả góp 60.000.000 đồng ở ngân hàng VPBank. Sau đó, anh H đã chụp ảnh chứng minh nhân dân, thẻ ngân hàng của mình gửi cho Facebook “Thu Nguyễn” theo hướng dẫn của T. Tiếp đó, T yêu cầu anh H nạp đủ số tiền 3.000.000đ vào tài khoản VPBank của mình, để chứng minh thu nhập, đảm bảo cho khoản vay và dặn khi nào ngân hàng gửi mã OTP đến số điện thoại của anh H thì gửi lại cho facebook “Thu Nguyễn”. Anh H đồng ý và ra cây ATM của ngân hàng VPBank ở số 20A1, đường L nạp tiền vào số tài khoản 193112021 của mình và về phòng trọ ở số nhà 11, ngõ 89 đường L, quận N, Hà Nội thông báo cho T đã nạp tiền xong. Đến khoảng 10 giờ 10 phút cùng ngày, anh H nhận được mã OTP từ ngân hàng đã gửi vào số điện thoại của mình, anh H liền gửi

mã OTP cho facebook “Thu Nguyễn”. Khi nhận được mã OTP của anh H, T đã liên kết thẻ ATM của anh H với ví điện tử zalopay của T và tạo giao dịch rút 3.000.000đ từ thẻ của anh H chuyển đến ví điện tử của mình. Thấy anh H thắc mắc về việc tài khoản bị trừ tiền, T đã đưa ra lý do ngân hàng trừ tiền để xác minh thu nhập và do đang là cuối tuần nên ngân hàng sẽ giải ngân vào đầu tuần sau. Số tiền này sau đó T đã rút ra và chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 20/01/2022, anh H sử dụng Facebook “Duyên Trần” nhắn tin vào Facebook “Thu Nguyễn” hỏi T về việc chưa nhận được giải ngân tiền vay thì T bảo anh H phải đóng thêm 2.600.000đ để đóng bảo hiểm khoản vay nhưng anh H nói bản thân chỉ có 2.000.000đ. T đồng ý và yêu cầu anh H chuyển số tiền 2.000.000đ vào tài khoản VPBANK số 164571758 mang tên Nguyễn Công T của mình. Khoảng 15 giờ 23 phút cùng ngày, anh H đến cây ATM của ngân hàng VPBank tại 20A1, đường L, quận N, Hà Nội nạp 2.000.000đ vào tài khoản của mình và chuyển khoản đến số tài khoản 164571758 mang tên Nguyễn Công T. Sau khi nhận được tiền, T đã chặn Facebook “Duyên Trần” do anh H sử dụng và rút số toàn bộ số tiền trên và chi tiêu cá nhân hết. Sau khi biết mình bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 21/1/2020, anh H đã đến công an quận N trình báo sự việc.

Tổng số tiền Nguyễn Công T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Quang H là 5.000.000đ.

Ngày 07/6/2022, Anh Trần Quang H đã được gia đình bị cáo khắc phục bồi thường số tiền 5.000.000đ. Anh H đã nhận tiền, không có yêu cầu gì khác về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ TNHS cho Nguyễn Công T.

- Quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 56 BLHS, Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**Bản án số 210/2020/HS-ST tại TAND quận N, thành phố Hà Nội**

\* Nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Ngày 05/02/2020, Nguyễn Ngọc T đến gặp và thuê 01 phòng trọ của chị Hoàng Thị S với giá thuê 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 01 năm. T đã đóng tiền thuê phòng trọ 01 tháng cho chị S. Do trong thời gian này, T chưa có việc làm nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua việc đăng bài viết lên mạng xã hội về việc T có phòng trọ cho thuê, để người thuê trọ tin tưởng chuyển tiền thuê phòng, sau đó T chiếm đoạt.

Vụ thứ nhất: Ngày 16/02/2020, T thấy chị Nguyễn Thị T1 đăng bài viết lên mạng xã hội về việc cần tìm phòng trọ nên T vào bình luận về việc có phòng cho thuê với giá 1.700.000 đồng/tháng. Chị T1 sau đó đã hẹn gặp để xem phòng thì T đưa chị T1 lên phòng số 1 tầng 3 nhà số 2B ngõ 34, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (là nơi khi T đi tìm phòng trọ, T biết được tại địa chỉ trên có phòng cho thuê). Sau khi chị T1 đồng ý thuê thì T yêu cầu chị T1 chuyển tiền đặt cọc thuê phòng là 1.700.000 đồng cho Nguyễn Ngọc T mở tại ngân hàng Agribank. Cùng ngày 16/02/2020, chị T1 đã chuyển cho T số tiền 1.700.000 đồng, nhưng do chuyển khoản khác ngân hàng nên tài khoản của T chưa nhận được tiền. Đến ngày 19/02/2020, T gọi điện thoại yêu cầu chị T1 tiếp tục chuyển cho T số tiền 700.000 đồng để T giữ phòng cho chị T1. Chị T1 hẹn T đến ngày 28 hoặc 29/02/2020 sẽ chuyển đến phòng trọ. Do sau đó, không liên lạc được với T nên tối ngày 28/02/2020, chị T1 chuyển đồ đến phòng trọ thì được biết T không phải là chủ của khu nhà trọ, nên chị T1 đã đến cơ quan Công an trình báo. Toàn bộ số tiền 2.400.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) nhận của chị T1, T khai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Ngày 16/02/2020, T đăng bài viết lên mạng xã hội với nội dung: “Có phòng trọ khép kín cho thuê, không chung chủ, giá 1.500.000 đồng/tháng, ai có nhu cầu liên hệ 0389515054”. Sau khi đăng bài viết, cùng ngày anh Lò CT (Sinh năm: 1998; HKTT: Xã Thanh Bình, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai) đã liên hệ với T để thuê phòng trọ. T sau đó đã hẹn anh

Thanh đến nhà trọ do T thuê để xem phòng. Đến ngày 22/02/2020, anh Thanh liên hệ gặp T thì T đưa anh Thanh lên phòng trọ của T đang thuê tại nhà bà S và giới thiệu là phòng trọ của T đang cho thuê với giá 1.300.000 đồng/tháng. Anh Thanh đồng ý thuê và hẹn đến ngày 23/02/2020 sẽ chuyển đến thì T yêu cầu anh Thanh đặt cọc trước 1.000.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu đồng). Anh Thanh đồng ý và đưa 1.000.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu đồng) đặt cọc cho T. Đến ngày 23/02/2020, T gọi điện lại cho anh Thanh nói đang dọn dẹp phòng và hẹn anh Thanh đến ngày 24/02/2020 chuyển đến. Khoảng 10 giờ ngày 24/02/2020, anh Thanh chuyển đồ đến và đưa cho T số tiền 1.300.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu, ba trăm nghìn đồng), T cho lại anh Thanh 100.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng) và thu dọn đồ đạc của mình để chuyển về quê, bàn giao phòng cho anh Thanh. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của anh Thanh là 2.200.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ngày 24/02/2020, chị Phạm TA lên mạng xã hội thấy bài đăng của T cho thuê nhà trọ nên đã liên hệ với T. Do lúc này T đang ở quê nên T đã nói dối chị TA còn phòng cho thuê nhưng sáng mai có người hẹn đến đặt cọc, nếu chị TA muốn thuê thì phải chuyển tiền đặt cọc cho T, chị TA đồng ý. Sau đó, T nhắn tin cho chị TA số tài khoản để chị TA chuyển tiền. Cùng ngày, chị TA chuyển tiền cho T nhưng không chuyển được nên T đã bảo chị TA chuyển tiền vào tài khoản của bạn T là chị Nguyễn Minh Ng. Sau khi chị TA chuyển số tiền 1.300.000 đồng cho chị Ng thì chị Ng đã rút và chuyển lại số tiền trên cho T (chị Ng không biết mục đích của T nhờ chuyển, rút tiền hộ). Đến ngày 25/02/2020, chị TA gọi hẹn gặp T để xem phòng thì T nói dối không ở gần khu trọ và sẽ gọi người ra dẫn vào xem phòng. Sau đó, T gọi điện cho anh Lò CT nhờ anh Thanh gặp và đưa chị TA xem một phòng trọ khác với lý do phòng trọ T đăng bài cho thuê đang đóng cửa. Sau khi xem phòng, chị TA không đồng ý thuê và yêu cầu T trả lại tiền nhưng T không trả lại. Sau đó, chị TA biết T không phải là chủ khu nhà trọ nên đã trình báo cơ quan Công an. Ngày 26/02/2020, T

liên hệ với anh Thanh để mượn máy tính xách tay, khi T đến gặp thì bị anh Thanh và chị TA giữ lại đưa T đến cơ quan Công an trình báo. Số tiền chiếm đoạt được, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của bị hại là 4.600.000 đồng. Bị cáo khai nhận tội. Hậu quả đã khắc phục, các bị hại không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

- Quyết định: Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015, Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

***Sau khi nghiên cứu, đánh giá Bản án số 257/2022/HSST và Bản án số 210/2020/HS-ST, tôi rút ra nhận xét như sau:***

Đối với bị cáo Nguyễn Công T, bị cáo này có những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 do bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, giống như bị cáo Nguyễn Công T, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho các bị hại, là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Đồng thời, các bị cáo đều đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Mặc dù cả hai bị cáo trên đều thuộc trường hợp phạm tội được quy định tại Khoản 1 Điều 174, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 và cùng bị áp dụng Điểm g Khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 nhưng trong khi bị cáo Nguyễn Công T chịu mức hình phạt là 15 tháng tù giam thì bị cáo Nguyễn Ngọc T chỉ phải chịu mức hình phạt là 09 tháng tù giam.

*Thứ ba*, Công tác quản lý nhân khẩu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong những năm gần đây còn gặp nhiều khó khăn. Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023, một số lượng không nhỏ dân cư từ các

tỉnh thành, khu vực khác đến sinh sống, học tập, làm việc làm tình hình an ninh trật tự xã hội có diễn biến hết sức phức tạp. Không những vậy, nhiều đối tượng phạm tội là người không có hộ khẩu, không khai báo tạm trú tại địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và điều này khiến cho công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm nói chung và tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng ngày càng trở nên khó khăn, đặc biệt là việc mất nhiều thời gian trong công tác xác minh các thông tin của người phạm tội như: quê quán, hộ khẩu thường trú, nơi tạm trú, nhân thân...

*Thứ tư*, Số vụ án mà mỗi Thẩm phán phải giải quyết là khá lớn (khoảng 10 vụ án/tháng) trong điều kiện số lượng cán bộ công chức không được tăng, số lượng Thẩm phán, Thư ký trong nhiều năm chưa được bổ sung Trong khi đó, do lượng hồ sơ thụ lý ngày càng gia tăng, các Thư ký Tòa án vừa phải kiêm nhiệm nhiều việc khác nhau, vừa giúp việc cho nhiều Thẩm phán dẫn đến quá tải về khối lượng công việc và không thể đáp ứng được yêu cầu giải quyết các vụ án hình sự.

*Thứ năm* Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các chủ trương, biện pháp về bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa vi phạm pháp luật, phòng chống tội phạm về xâm phạm sở hữu chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, còn mang tính hình thức, khuếch tán phong trào, nội dung chưa phù hợp với từng loại đối tượng nên chưa đạt hiệu quả cao.

*Thứ sáu*, Trụ sở làm việc của TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2005, nhiều hạng mục công trình đã xuống cấp nghiêm trọng, không còn khả năng sử dụng. Điều này khiến cho các cán bộ tại Tòa án không có được môi trường, điều kiện tốt nhất để làm việc, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng trong công tác giải quyết các vụ án hình sự, trong đó có các vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*c. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập*

*Thứ nhất*, Một số vướng mắc trong các quy định của pháp luật còn chưa có văn bản sửa đổi, bổ sung cũng như chưa có hướng dẫn áp dụng kịp thời, đầy đủ từ đó làm ảnh hưởng nhất định tới chất lượng, hiệu quả hoạt động xét xử của Tòa án. Bên cạnh đó, công tác hướng dẫn, giải thích luật chưa được thực hiện một cách thường xuyên và đồng bộ dẫn đến việc áp dụng pháp luật còn thiếu thống nhất.

*Thứ hai*, Chính sách đãi ngộ dành cho cán bộ công chức ngành Tòa án vẫn chưa thực sự được quan tâm, chưa tương xứng với tính chất công việc, chưa có các cơ chế để thu hút các cán bộ có năng lực, trình độ vào ngành công tác. Điều này dẫn đến tình trạng số lượng cán bộ, công chức ngành Tòa án xin nghỉ việc ngày càng tăng.

*Thứ ba*, Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng còn chưa đồng đều. Một số Thẩm phán, Thư ký có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, chưa thận trọng khi nghiên cứu hồ sơ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện dẫn đến trong nhiều trường hợp còn lúng túng, bị động khi phải xử lý tình huống thực tiễn xét xử tại phiên tòa, đặc biệt là đối với những vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản có tính chất phức tạp.

*Thứ tư*, Đối với Hội thẩm nhân dân, nhiều Hội thẩm còn nghiên cứu hồ sơ vụ án một cách qua loa nên khi tham gia xét xử, các Hội thẩm thường không có quan điểm riêng, không tham gia xét hỏi mà phụ thuộc hoàn toàn vào Thẩm phán, dẫn đến sự thụ động, không tương xứng với quyền hạn mà Nhà nước giao phó.

*Thứ năm*, Cơ quan công an, Viện Kiểm sát nhân dân và TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong nhiều trường hợp vẫn chưa có sự phối hợp, thống nhất trong việc áp dụng các quy định PLHS trong quá trình giải quyết vụ án.

*Thứ sáu*, tính chất thủ đoạn của hành vi vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày một tinh vi, người phạm tội ngày càng manh động và xảy ra với số



lượng lớn trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm.

*Thứ bảy*, Kinh phí cho việc đầu tư cơ sở vật chất còn hạn hẹp nên những hạng mục đã xuống cấp từ lâu tại TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đến nay vẫn chưa được sửa chữa và khắc phục.

## **Kết luận chương 4**

Tại chương 2, tác giả đã nghiên cứu khái quát lịch sử PLHS Việt Nam về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thực trạng các quy định của pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tiễn áp dụng các quy định của PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Tìm hiểu quá trình phát triển của các quy định PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua các giai đoạn từ thời kỳ trước khi ban hành BLHS năm 1985; thời kỳ từ khi ban hành BLHS năm 1999 và quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Qua nghiên cứu cho thấy, trải qua các thời kỳ, PLHS Việt Nam không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống PLHS theo hướng ngày càng nhân văn, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, phù hợp với quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Đánh giá thực trạng các quy định PLHS hiện hành về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng việc phân tích những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, khiến việc thực thi pháp luật còn theo nhiều chiều hướng khác nhau.

3. Từ số liệu thống kê tình hình phạm tội từ năm 2019 đến năm 2023, có thể thấy số vụ án, số bị cáo xét xử về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội có xu hướng gia tăng. Trên cơ sở số liệu đã phân tích, tác giả đã nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bao gồm: những kết quả đạt được, một số hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập để từ đó làm tiền đề cho việc đưa ra định hướng hoàn thiện, giải pháp hoàn thiện và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của PLHS đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**CHƯƠNG 5**  
**ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY**  
**ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM**  
**ĐOẠT TÀI SẢN**

**5.1. Định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

*Thứ nhất, Hoàn thiện pháp luật về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.*

*Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng nêu ra: “Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị- xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết dân tộc”.*

Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới quy định:

*“Xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, ...”*

Chỉ thị 21/CT-TTG ngày 20/05/2020 về tăng cường phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Thủ tướng chính phủ cho thấy sự quan tâm và quan điểm của Đảng về việc ngăn chặn, ngăn ngừa hoạt động lừa đảo

chiếm đoạt tài sản, nhằm đảm bảo an ninh, trật tự. Chỉ thị này quy định các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện những biện pháp cần thiết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội [22].

Có thể thấy, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, quan điểm xuyên suốt thể hiện trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam là luôn coi việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự là nhiệm vụ quan trọng. Vì vậy, khi hoàn thiện PLHS Việt Nam về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cần đảm bảo các quy phạm pháp luật phải tuân theo quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật mà Nhà nước đã đề ra.

*Thứ hai*, Hoàn thiện pháp luật về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải đảm bảo hài hòa với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

Với trọng tâm là BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật thi hành án hình sự năm 2019; các nhà làm luật cần hoàn thiện các Nghị định, Thông tư, Thông tư liên tịch có liên quan đến Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhằm đảm bảo tính thống nhất của các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của văn bản pháp luật có giá trị pháp lý thấp hơn không được trái với quy định của văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn trong cùng một lĩnh vực điều chỉnh; các quy định cùng điều chỉnh một vấn đề trong nhiều văn bản phải phù hợp với nhau. Việc hoàn thiện các văn bản pháp luật còn phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp. Theo đó, các cơ quan được nhân dân ủy quyền phải ban hành các văn bản pháp luật (kể cả các văn bản luật và văn bản dưới luật) phù hợp với Hiến pháp, văn kiện của các tổ chức chính trị - xã hội cũng không được có nội dung trái với Hiến pháp.

*Thứ ba*, Hoàn thiện pháp luật về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải đảm bảo tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

Quyền con người nói chung là giá trị mang tính phổ biến của nhân loại, là kết quả của quá trình đấu tranh, phát triển lâu dài của tất cả các dân tộc, nhân dân trên toàn thế giới nên cần phải được bảo vệ một cách toàn diện.

Hiến pháp năm 2013 quy định rằng người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai. Bên cạnh đó, người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Trong trường hợp bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật thì có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự.

Có thể thấy, trong quá trình giải quyết các vụ án, Nhà nước Việt Nam vẫn luôn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội không bị tước bỏ một cách trái pháp luật. Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng cần phải đảm bảo sẽ trở thành công cụ hỗ trợ quan trọng cho cơ quan xét xử định tội danh cũng như ra quyết định hình phạt một cách phù hợp, đúng người đúng tội và không gây ra oan sai.

## **5.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

*Thứ nhất*, về khái niệm Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Các nhà làm luật cần bổ sung khái niệm về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Điều 174 BLHS hiện hành. Việc bổ sung khái niệm về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần phải mô tả cụ thể về dấu hiệu của tội để hạn chế dẫn đến nhầm lẫn trong việc định tội danh. Trong Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, điều luật quy định chỉ nêu tên của tội danh mà không mô tả hành vi thuộc mặt khách quan

của tất cả các tội phạm. Do đó, để đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng pháp luật, cần thiết nên bổ sung quy định mô tả hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm.

Vì vậy, để thống nhất một cách hiểu về khái niệm này thì cần phải đưa ra một khái niệm như thế nào là Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một điều hết sức cần thiết. Trên cơ sở nghiên cứu và đánh giá ở phần lý luận, tác giả đã mạnh dạn đưa ra khái niệm về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật làm cho người khác tin đó là sự thật và giao tài sản, sau đó chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành tài sản của mình; được quy định trong Bộ luật hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.*

#### *Thứ hai, Về tình tiết định Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn chi tiết việc áp dụng tình tiết định khung cơ bản, định khung tăng nặng đối với tình tiết tại Điểm c Khoản 1 “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” và tình tiết tại Điểm e Khoản 2 “*Dùng thủ đoạn xảo quyệt*” trong Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Việc sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn sẽ giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng có sự nhận thức một cách thống nhất về cách áp dụng hai tình tiết này trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ đó, các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ có cơ sở pháp lý để tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội một cách cụ thể hơn, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác phòng chống tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

#### *Thứ ba, Về chủ thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Cần phải bổ sung TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhằm đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật đối với mọi chủ thể, đồng thời thể hiện tính thống nhất của PLHS nói riêng và

pháp luật Việt Nam nói chung. Có thể thấy, trong thời gian gần đây, nhiều vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản có liên quan đến pháp nhân đã diễn ra như vụ án Tập đoàn Tân Hoàng Minh, Công ty Alibaba, ... khiến cho không ít người dân bị thiệt hại về kinh tế. Vì vậy, việc ghi nhận TNHS của pháp nhân thương mại đối với tội lừa đảo và chiếm đoạt tài sản là một yêu cầu bức thiết trong cuộc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

*Thứ tư*, Về định giá tài sản bị chiếm đoạt trong Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Các nhà làm luật cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn đối với trường hợp khi xảy ra tình huống không có sự tương đồng về giá thị trường của tài sản bị chiếm đoạt và giá trị số tiền của người bị hại bị chiếm đoạt thì các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt như thế nào để làm căn cứ truy cứu mức độ chịu TNHS của người phạm tội. Bên cạnh đó, luật hình sự cần có những sửa đổi, bổ sung để việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt có hiệu quả hơn, từ đó có căn cứ để truy cứu TNHS đối với người phạm Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể cần bổ sung các quy định: Nếu có dấu hiệu tẩu tán tài sản của người phạm tội thì người phạm tội và người thân của họ có trách nhiệm chứng minh nguồn gốc. Nếu không thể chứng minh được nguồn gốc thì các cơ quan tiến hành tố tụng được phép thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản, khắc phục hậu quả để giảm nhẹ hình phạt [21].

### **5.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật hình sự về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

*Thứ nhất*, Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm, Điều tra viên, Kiểm sát viên:

- Rà soát, đánh giá, sắp xếp lại đội ngũ Thẩm phán, Điều tra viên, Kiểm sát viên; lựa chọn các cán bộ có phẩm chất đạo đức, trình độ năng lực và trách nhiệm thực hiện các hoạt động tố tụng đối với các vụ án hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

- Việc bổ nhiệm các chức danh như Thẩm phán, Điều tra viên, Kiểm sát viên phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, về phẩm chất đạo đức, đã học qua các lớp về nghiệp vụ điều tra, kiểm sát, xét xử; lựa chọn những Thẩm phán, Điều tra viên, Kiểm sát viên có kinh nghiệm, có năng lực công tác tốt, có trình độ lãnh đạo, có trách nhiệm và uy tín để bổ nhiệm.

- Tăng cường quản lý, đánh giá đúng chất lượng cán bộ để phân công, bố trí hợp lý, đúng năng lực, trình độ nhằm bảo đảm việc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thường xuyên quan tâm tới việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu công tác.

- Hàng năm, các cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án cần mở các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về điều tra, truy tố, xét xử tội phạm đối với tội phạm về Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tăng cường các loại hình bồi dưỡng cán bộ như: tập huấn, hội thảo chuyên đề, mời chuyên gia về địa phương giảng dạy, ...

- Tiếp tục thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình, chống suy thoái, tự diễn biến theo các Nghị quyết của Đảng. Kết hợp việc kiểm điểm với công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đủ trình độ và năng lực, bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức phẩm chất tốt, có quan điểm đổi mới và quan điểm quần chúng, hết lòng, hết sức phụng sự công lý, phục vụ nhân dân, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các cơ quan tiến hành tổ tụng cần làm tốt công tác Thi đua - Khen thưởng trên tinh thần khách quan, công bằng để phát huy các nhân tố tích cực đồng thời động viên, khích lệ các cá nhân tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm khắc đối với những Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán vi phạm pháp luật, tham nhũng, thoái hóa, biến chất;



cho thôi việc hoặc bố trí công việc khác đối với cán bộ có năng lực chuyên môn kém, không có bản lĩnh chính trị và không tự tu dưỡng, rèn luyện.

*Thứ hai*, Cần nghiên cứu sửa đổi một cách tổng thể chế độ chính sách đãi ngộ, điều chỉnh một cách căn bản tiền lương và các chế độ phụ cấp khác của đội ngũ Thẩm phán để họ an tâm công tác tốt, hạn chế tình trạng tiêu cực, những nhiều đồng thời tạo ra sự thu hút thêm nguồn nhân lực phục vụ cho ngành Tòa án.

*Thứ ba*, các TAND trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục tăng cường phối hợp ba ngành trong việc giải quyết các loại án; phối hợp các ngành Công an, Viện Kiểm sát trong xác định án trọng điểm, đưa ra xét xử kịp thời các vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cần tổ chức nhiều hội nghị sơ kết thực hiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan tư pháp, qua đó ban hành các kết luận chung về hội nghị góp phần giải đáp, tháo gỡ vướng mắc, nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa Viện Kiểm sát nhân dân, Công an và TAND thành phố Hà Nội trong thời gian tới; tổ chức các hội thảo về nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm trong các lĩnh vực kiểm sát; tiếp tục tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu theo nhóm tội danh trong lĩnh vực hình sự để giúp các cơ quan tiến hành tố tụng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật.

*Thứ tư*, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cần tăng cường tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật và chế tài xử lý đối với tội phạm và các vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản; thông tin rộng rãi, kịp thời, công khai, minh bạch trong Nhân dân về chủ trương phát triển kinh tế, an sinh xã hội, dự án bất động sản, quy hoạch xây dựng...; tuyên truyền, thông báo về hành vi, thủ đoạn hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản gắn với các vụ việc, vụ án cụ thể mang tính điển hình để người dân chấp hành

pháp luật, đề cao cảnh giác, tăng cường các biện pháp quản lý tự phòng ngừa, bảo vệ tài sản.

*Thứ năm*, TAND thành phố Hà Nội, Thường trực Quận ủy Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cần tiếp tục quan tâm, hỗ trợ kinh phí trang bị cơ sở vật chất nhằm tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho các cán bộ tại TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

*Thứ sáu*, Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cần phối hợp cùng Công an các phường trên địa bàn tăng cường công tác rà soát nhân khẩu và kiểm tra tạm trú, tạm vắng; thành lập các tổ công tác phối hợp với Tổ dân phố, Ban Quản lý, Ban quản trị tòa nhà chung cư, khu dân cư, trực tiếp đến từng hộ gia đình kiểm tra số nhân khẩu thực tế hiện đang cư trú. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện công dân vi phạm quy định về đăng ký, quản lý cư trú thì xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời hướng dẫn người dân cách đăng ký cư trú qua Cổng dịch vụ công quốc gia nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình khai báo, đăng ký cư trú.

*Thứ bảy*, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần kêu gọi toàn xã hội tham gia tích cực vào công tác tái hòa nhập cộng đồng, giúp người chấp hành xong bản án có điều kiện để sớm cải tạo tiến bộ, trở thành người có ích cho xã hội. Đối với người phạm tội sau khi chấp hành án, đặc biệt là người không có thu nhập hay việc làm ổn định, cần tạo điều kiện cho họ cơ hội tìm được việc làm ổn định để tự nuôi sống bản thân cũng như ngăn ngừa được nguy cơ tái phạm.

## **Kết luận chương 5**

Trên cơ sở đánh giá thực trạng các quy định của PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, trong chương 5 của đề tài, tác giả đã đề xuất một số định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định của PLHS hiện hành về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

1. Về định hướng hoàn thiện: việc hoàn thiện pháp luật phải phù hợp với quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo hài hòa với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phải đảm bảo tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2. Về các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể: cần bổ sung khái niệm về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Điều 174 BLHS hiện hành, ban hành Nghị quyết hướng dẫn chi tiết việc áp dụng tình tiết định khung cơ bản, định khung tăng nặng đối với tình tiết tại Điểm c Khoản 1 và Điểm e Khoản 2 trong Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bổ sung TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ban hành văn bản hướng dẫn đối với trường hợp khi xảy ra tình huống không có sự tương đồng về giá thị trường của tài sản bị chiếm đoạt và giá trị số tiền của người bị hại bị chiếm đoạt.

3. Về các giải pháp nâng cao hiệu quả: nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng; thay đổi chế độ chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ Thẩm phán; tăng cường phối hợp ba ngành trong việc giải quyết các vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tăng cường tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật và chế tài xử lý đối với tội phạm và các vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như công tác rà soát nhân hộ khẩu, hỗ trợ kinh phí trang bị cơ sở vật chất cho TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### Kết luận

Thông qua việc nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu pháp luật hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*”, tác giả mong muốn đóng góp một phần nhỏ trong việc nghiên cứu một số vấn đề lý luận về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo PLHS Việt Nam hiện hành, từ đó đánh giá thực trạng các quy định của PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện quy định của PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở Việt Nam hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của đề tài được thể hiện ở một số nội dung sau đây:

1. Phân tích và nghiên cứu một số vấn đề lý luận về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ đó xây dựng khái niệm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật làm cho người khác tin đó là sự thật và giao tài sản, sau đó chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành tài sản của mình; được quy định trong BLHS do người có năng lực TNHS thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

2. Nghiên cứu và đánh giá khái quát lịch sử PLHS Việt Nam về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua các giai đoạn từ thời kỳ trước khi ban hành BLHS năm 1985; thời kỳ từ khi ban hành BLHS năm 1999 và quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Chỉ rõ sự thay đổi trong các quy định của BLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

3. Đánh giá được thực trạng pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Theo đó, một số vướng mắc trong quy định của pháp luật hiện hành vẫn chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn như: quy định khái niệm cụ thể về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tình tiết “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn*

*xã hội*”, tình tiết “Dùng thủ đoạn xảo quyệt”, chưa coi pháp nhân thương mại là chủ thể của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hướng dẫn đối với tình huống không có sự tương đồng về giá thị trường của tài sản bị chiếm đoạt và giá trị số tiền của người bị hại bị chiếm đoạt.

Đánh giá thực tiễn áp dụng PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội thông qua việc phân tích số liệu về số vụ án và số bị cáo phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế bất cập còn tồn tại. Cụ thể, việc áp dụng các quy định của pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã đạt được những kết quả tích cực như: công tác xét xử các vụ án hình sự về Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhìn chung đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và hầu như không có sai sót, năng lực chuyên môn của các cán bộ làm công tác tư pháp trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ngày càng được chú trọng nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế bao gồm: hình phạt cải tạo không giam giữ còn ít được áp dụng trong quá trình quyết định hình phạt, một số quyết định hình phạt được đưa ra chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm.

### **Kiến nghị**

Trên cơ sở đánh giá thực trạng các quy định PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tiễn thi hành trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, từ đó đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm hoàn thiện PLHS về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong thời gian tới. Cụ thể:

- Về định hướng hoàn thiện: việc hoàn thiện pháp luật phải phù hợp với quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo hài hòa với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phải đảm bảo tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Về các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể: cần bổ sung khái niệm về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Điều 174 BLHS hiện hành, ban hành Nghị quyết hướng dẫn chi tiết việc áp dụng tình tiết định khung cơ bản, định khung tăng nặng đối với tình tiết tại Điểm c Khoản 1 và Điểm e Khoản 2 trong Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bổ sung TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ban hành văn bản hướng dẫn đối với trường hợp khi xảy ra tình huống không có sự tương đồng về giá trị trường của tài sản bị chiếm đoạt và giá trị số tiền của người bị hại bị chiếm đoạt.

- Về các giải pháp nâng cao hiệu quả: nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng; thay đổi chế độ chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ Thẩm phán; tăng cường phối hợp ba ngành trong việc giải quyết các vụ án về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tăng cường tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật và chế tài xử lý đối với tội phạm và các vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như công tác rà soát nhân hộ khẩu, hỗ trợ kinh phí trang bị cơ sở vật chất cho TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2020), *Thông tư số 30/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều của nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2018), *Nghị định 30/2018/NĐ-CP quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự*, Hà Nội.
3. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2020), *Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm chức vụ*, Hà Nội.
4. Lê Văn Cẩm (2019), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự phần chung*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02-/HĐTP/NQ của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, tái bản lần thứ 05, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Hòa và cộng sự (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần các tội phạm – Quyển 1)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Hòa và cộng sự (2020), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, tái bản lần thứ 26, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
9. Ngọc Lương (2021), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Dân trí, Hà Nội.

10. Trương Ngọc Liễu (2022), *Nhận diện các thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản và biện pháp phòng ngừa*, Nxb chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
11. Đặng Phương Nam (2022), *Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ thực tiễn địa bàn tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Hà Nội.
12. Trịnh Hồng Phương (2016), *Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Đinh Văn Quế (2021), *Bình luận Bộ luật hình sự năm 2015 phân các tội phạm – chương XVI: các tội phạm xâm phạm sở hữu, chương XVII: các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
14. Trương Hồng Quang (2022), “Một số vấn đề lý luận về pháp luật tình trạng khẩn cấp”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, 08(456), tr. 15-19.
15. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội
16. Quốc hội (2013), *Luật Phòng chống thiên tai*, Hà Nội
17. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
18. Quốc hội (2017), *Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13*, Hà Nội.
19. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội
20. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
21. Triệu Thị Tuyết (2019), “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản – Những vướng mắc cần khắc phục”, *Tạp chí Tòa án nhân dân tối cao*, 12(05), tr.18-21.
22. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Chỉ thị 21/CT-TTG ngày 20/05/2020 về tăng cường phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, Hà Nội.
23. Phạm Văn Tuyết (2023), *Tổng quan về chế định tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.



24. Trịnh Tiến Việt (2022), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

25. Trịnh Tiến Việt (2023), *Luật Hình sự Việt Nam và các định hướng phát triển*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

26. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm (2023), *Thống kê thụ lý và giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm do cá nhân phạm tội của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm*, Hà Nội.

27. <https://vienkiemvat.haiduong.gov.vn/trao-doi-nghiep-vu/ap-dung-tinh-tiet-gay-anh-huong-xau-den-an-ninh-trat-tu-an-toan-xa-hoi-theo-bo-luat-hinh-su-nam-2015-1171.html>

28. <https://namtuliem.hanoi.gov.vn/gioi-thieu-chung>

PHỤ LỤC

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NAM TỪ LIÊM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **50/2023/HSST**

Ngày: 16/3/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP.HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lý Kế H

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Tiến C 2. Ông Phan Minh T

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần H - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm:*** Ông Nguyễn Phúc T - Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2023, tại Trụ sở tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 10/2023/HSST, ngày 13 tháng 01 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXX ngày 02 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/HPT-QĐ ngày 17/02/2023 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Nguyễn Ngọc H, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1995; Giới tính: Nữ; HKTT và nơi ở: phường N, quận B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp:

Lao động tự do; Bố đẻ: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975(Chết năm 2017), mẹ đẻ: Bà Trương Thị H, sinh năm: 1978; Gia đình bị cáo là con duy nhất. Chồng: Ly hôn 2016; Có 04 con: con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm: 03/6/2022.

**Tiền án, tiền sự:** Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” -Có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Anh Phùng Đắc T, Sinh năm: 1993

HKTT, nơi ở: Thôn D, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 8/2021, Nguyễn Ngọc H có quen biết anh Phùng Đắc T qua mạng xã hội Zalo. Quá trình quen biết, do nợ nần ngoài xã hội và cần tiền chi tiêu, trả nợ nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T bằng hình thức mạo danh mẹ mình là bà Trương Thị H để lừa rủ anh T góp vốn kinh doanh rượu ngoại qua đó chiếm đoạt số tiền góp vốn này của anh T. Sau đó, H nói với anh T là mẹ H là bà Trương Thị H đang kinh doanh rượu ngoại và cần người cùng góp vốn để kinh doanh rượu, chia 50% số tiền lãi kinh doanh và hỏi anh T có tham gia góp vốn cùng mẹ H không, tin tưởng H nên anh T đồng ý. H sau đó đã sử dụng một sim điện thoại (không nhớ số điện thoại) tạo một tài khoản Zalo với tên “Huệ Trương” để mạo danh bà Trương Thị H và giới thiệu để anh T kết bạn với mẹ mình qua tài khoản Zalo “Huệ Trương”. Sau khi anh T kết bạn, H đã dùng tài khoản Zalo “Huệ Trương” để mạo danh là bà Trương Thị H rồi nhắn tin trao đổi với anh T việc đang kinh doanh rượu ngoại, lợi nhuận cao, cần vốn để kinh doanh, nếu anh T góp vốn thì bà Trương Thị H sẽ chia tiền lãi cho anh T theo số vốn đã góp. Tin tưởng tài khoản Zalo “Huệ Trương” là của bà Trương Thị H (là mẹ H) và những thông tin tài khoản do zalo này cung cấp là thật nên anh T đồng ý. Sau đó, theo yêu

cầu của tài khoản Zalo “Huệ Trương” từ ngày 02/9/2021 đến ngày 14/10/2021, tại khu vực tòa nhà M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, anh T đã nhiều lần chuyển khoản tiền góp vốn để kinh doanh rượu ngoại với bà Trương Thị H theo yêu cầu từ tài khoản Zalo “Huệ Trương”, anh T đã chuyển tiền góp vốn vào các tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBBank và tài khoản số 151817106 tại ngân hàng VPBank (đều mang tên Nguyễn Ngọc H) cùng tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank mang tên Trương Thùy T, với tổng số tiền là 343.300.000 đồng, cụ thể:

Ngày 02/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 của mình tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 54.300.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của Nguyễn Ngọc H.

Ngày 07/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 020088421966 tại ngân hàng Sacombank của bà Nguyễn Thị T (là mẹ anh T) chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản số 19037487505015 tại ngân hàng Techcombank của Nguyễn Ngọc H và sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

Ngày 08/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 32.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

Ngày 09/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

Ngày 16/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB chuyển lần lượt số tiền là 57.000.000 đồng và 10.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

Ngày 10/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 020088421996 tại ngân hàng Sacombank của bà Nguyễn Thị T (là mẹ anh T) chuyển số tiền

10.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

- Ngày 14/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 của mình tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

Đối với số tiền anh T chuyển vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T, sau khi nhận được tiền, chị T đã chuyển khoản lại số tiền tương ứng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của Nguyễn Ngọc H.

Toàn bộ số tiền 343.300.000 đồng chiếm đoạt của anh T là tiền anh T chuyển khoản để góp vốn kinh doanh rượu ngoại theo yêu cầu của tài khoản Zalo “Huệ Trương”, chuyển khoản vào tài khoản của H và chị T, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết (hiện chưa khắc phục được hậu quả).

Ngoài số tiền anh T chuyển khoản theo yêu cầu của Zalo “Huệ Trương” để góp vốn kinh doanh rượu trên, anh T còn nhiều lần chuyển khoản tiền cho H vay, thanh toán hộ hoặc cho tiền H và các khoản tiền này đều không liên quan đến việc góp vốn kinh doanh rượu qua tài khoản Zalo “Huệ Trương”, cụ thể: Ngày 03/9/2021, H nhờ anh T chuyển khoản trả tiền mua hàng trên mạng, anh T đồng ý và sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 3.120.000 đồng vào tài khoản số 868619929999 tại ngân hàng MBBank của Nguyễn Thanh T; Ngày 07/9/2021, H tiếp tục nhờ anh T chuyển khoản trả giúp H tiền mua hàng trên mạng, anh T đồng ý và sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 1.670.000 đồng vào tài khoản số 9200133886666 tại ngân hàng MBbank của Doãn Ý N; Ngày 30/8/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số tiền là 6.000.000 đồng và 1.000.000 đồng vào tài khoản số 151817106 tại ngân hàng VPbank của H (Hai khoản tiền này là anh T cho H).

Các khoản anh T chuyển khoản cho H vay, cụ thể: Ngày 31/8/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số tiền là 6.600.000 đồng và 12.100.000 đồng vào tài khoản số 151817106 tại ngân hàng Vpbank của H; Ngày 08/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 13/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 15/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số tiền là 36.300.000 đồng và 3.600.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 04/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền là 1.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 05/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền là 2.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 25/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền là 500.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 02/11/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 800.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H.

Ngoài ra anh T còn cho H vay số tiền mặt là 11.910.000 đồng, nhưng anh T không nhớ rõ cho vay ngày nào. Tổng số tiền anh T cho H vay là 114.810.000 đồng. Tổng số tiền anh T trả giúp H tiền mua hàng qua mạng là 4.790.000 đồng. Số tiền anh T cho H là 7.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh T cho H vay và trả tiền mua hàng hộ cho H là 119.600.000 đồng.

Vào các ngày 01/9/2021, 08/9/2021, 09/9/2021, 14/9/2021, 16/9/2021, H đã dùng tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H lần lượt

chuyển khoản trả số tiền là 21.000.000 đồng, 18.700.000 đồng, 20.000.000 đồng,

đồng, 39.900.000 đồng vào tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T. Tổng số tiền H đã trả cho anh T là 119.600.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 10 năm 2021, do cần tiền nên anh T đã yêu cầu bà Trương Thị H gặp mặt và trả lại tiền góp vốn. Lúc này, H không có tiền khắc phục trả cho anh T nên nảy sinh ý định nhờ người đóng giả bà Trương Thị H để khát nợ. Ngày 24/10/2021, H liên lạc với chị Nguyễn Vũ Hồng A, làm nghề môi giới nhân sự nhờ chị A tìm người đóng giả bà Trương Thị H để gặp anh T xin khấttiền trả nợ trong thời gian 01 tuần với giá thù lao là 3.000.000 đồng. Chị A đồng ý rồi nhờ bạn là chị Nguyễn Thị Thu H đóng giả mẹ của H và được chị Nguyễn Thị Thu H đồng ý. H sau đó tải ảnh chân dung của chị Nguyễn Thị Thu H và đặt làmảnh đại diện của tài khoản Zalo “Huệ Trương” để anh T gặp mặt và tin chị Nguyễn Thị Thu H là bà Trương Thị H (là mẹ của H).

Trưa ngày 25/10/2021, H cùng chị A và Nguyễn Thị Thu H gặp nhau tại quán Café Cộng, phường G, quận B, thành phố Hà Nội để thống nhất khi gặp anh T thì chị Nguyễn Thị Thu H sẽ đóng giả bà Trương Thị H là mẹ của H rồi nói cho T biết rằng đã sử dụng số tiền anh T đã đưa để kinh doanh rượu ngoại, do trực trặc với bên đối tác nên hẹn sẽ trả anh T trong vòng 01 tuần. H đã dùng tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 6660127126666 tại ngân hàng Mbbank của chị A để đặt cọc thuê người. Khi anh T đến, chị Nguyễn Thị Thu H mạo danh mình là bà Trương Thị H, còn chị A đóng giả là người kinh doanh thủy sản với bà Trương Thị H rồi cùng H nói cho T biết rằng bà Trương Thị H đã sử dụng số tiền anh T đưa để kinh doanh rượu ngoại, do trực trặc với bên đối tác nên hẹn sẽ trả anh T trong vòng 01 tuần, anh T đồng ý và ra về. H sau đó đã trả cho chị A 2.000.000 đồng tiền phí thuê người còn lại. Chị A chở Nguyễn Thị

Thu H về và trả cho Nguyễn Thị Thu H số tiền là 500.000 đồng tiền công đóng giả bà Trương Thị H.

Ngoài ra, vào khoảng giữa tháng 10/2021, do H không có điện thoại để sử dụng nên nảy sinh ý định nhờ anh T mua điện thoại rồi chiếm đoạt tiền mua điện thoại của anh T. Sau đó, H đã sử dụng tài khoản Zalo “Huệ Trương” để mạo danh bà Trương Thị H nhờ anh T mua hộ cho H 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max với cam kết sẽ trả tiền mua cho anh T để anh T tin tưởng. Do tin tưởng là mẹ của H nhờ thật nên anh T đã mua điện thoại Iphone 11 Pro Max đưa cho H.

Đến đầu tháng 11/2021, anh T đã nhiều lần nhắn tin đến Zalo “Huệ Trương” yêu cầu trả tiền, nhưng không đòi được tiền. Đến ngày 14/11/2021, anh T đến nhà H tại phường N, quận B, thành phố Hà Nội và được biết bà Trương Thị H không kinh doanh rượu thì H thú nhận với anh T việc H đã gian dối và mạo danh bà Trương Thị H để chiếm đoạt tiền và chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max của anh T. Ngày 23/01/2022, sau khi chốt số tiền phải trả (bao gồm tiền góp vốn kinh doanh rượu ngoại và tiền mua điện thoại), H viết một bản cam kết sẽ hoàn trả cho anh T số tiền là 365.000.000 đồng trong vòng từ 10 đến 11 tháng nhưng sau đó do H vẫn không trả tiền cho anh T theo cam kết nên anh T đã có đơn trình báo cơ quan Công an. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

**Vật chứng thu giữ:** 01 Giấy cam kết đề tên Nguyễn Ngọc H ngày 23/01/2022 (do H viết cho anh T).

Tại Bản kết luận giám định số 1755 ngày 15/7/2022 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận: *Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc H trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Ngọc H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.*



Tại Bản kết luận định giá tài sản số 356 ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, xác định: *01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max, trị giá: 13.000.000 đồng.*

Đối với số tiền anh T cho H vay và trả tiền mua hàng hộ cho H là 119.600.000 đồng. Do H đã trả cho anh T nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max (điện thoại H giả danh bà Trương Thị H nhờ mua để chiếm đoạt của anh T), H khai đã làm mất còn tài khoản Zalo “Huệ Trương” H đã xóa nên Cơ quan điều tra không thu được điện thoại và nội dung hội thoại, trò chuyện của tài khoản “Huệ Trương” với tài khoản Zalo của anh T.

Tại Cơ quan điều tra, bà Trương Thị H khai: Bản thân bà là lao động tự do, không kinh doanh rượu ngoại, không lập tài khoản Zalo “Huệ Trương”, không biết, không giao tiếp, không nhận tiền từ anh Phùng Đắc T, không tham gia vào việc Nguyễn Ngọc H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phùng Đắc T.

Trương Thùy T khai: H nói với chị T là anh T là bạn hàng của H, do tài khoản ngân hàng của H bị lỗi nên nhờ tài khoản của chị nên khi anh T chuyển tiền cho chị T thì chị đã chuyển khoản lại cho H. Do chị T không biết, không tham gia vào việc H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Vũ Hồng A và Nguyễn Thị Thu H quá trình điều tra xác định: chị A và Nguyễn Thị Thu H khi nhận lời đóng giả bà Trương Thị H để xin khất nợ cho H. Chị A và Nguyễn Thị Thu H không biết H chiếm đoạt tiền của anh T và không tham gia vào việc H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về dân sự: anh Phùng Đắc T có đơn đề nghị chỉ yêu cầu Nguyễn Ngọc H bồi thường số tiền 356.300.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, số tiền chiếm đoạt của anh T là 356.300.000 đồng đến nay chưa trả được.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 174 BLHS, Điều 38, Điểm s,n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo H từ 09 đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo H phải trả cho anh T số tiền chiếm đoạt 356.300.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với các tài liệu chứng cứ, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Từ ngày 02/9/2021 đến ngày 14/10/2021, tại phường M, quận N, thành phố Hà Nội, Nguyễn Ngọc H đã nhiều lần có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản bằng cách lập tài khoản Zalo “Huệ Trương” và giả mạo là bà Trương Thị H (là mẹ của H) để anh Phùng Đắc T tin tưởng kết bạn sau đó nhắn tin, trao đổi và rủ anh Phùng Đắc T góp vốn để kinh rượu ngoại và giả danh bà Trương Thị H để nhờ anh T mua giúp chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max sau đó chiếm đoạt để sử dụng và chi tiêu cá nhân. Anh Phùng Đắc T do tin tưởng nên đã góp vốn để kinh doanh rượu ngoại với số tiền 343.300.000 đồng và đã mua hộ cho H điện thoại Iphone 11 Pro Max trị giá 13.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Ngọc H đã gian dối chiếm đoạt được của anh Phùng Đắc T là 356.300.000 đồng.

Bị cáo khai nhận tội. Hậu quả chưa khắc phục. Anh Phùng Đắc T yêu cầu H bồi thường số tiền 356.300.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo H là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại nhằm mục đích bị hại giao tiền cho bị cáo, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bị cáo H có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nhận thức được lừa đảo chiếm đoạt số tiền 356.300.000 đồng (*Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn*) của anh T là gian dối, trái với pháp luật, nhận thức được hậu quả của hành vi chiếm đoạt tài sản của mình là trái pháp luật và mong muốn hậu quả đó xảy ra.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đang mang thai do vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s, n Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị hại có yêu cầu bồi thường về dân sự, bị cáo chưa bồi thường. Thấy cần thiết phải xử mức án tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, biết được giá trị công sức lao động chân chính và biết tôn trọng pháp luật.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phùng Đắc T yêu cầu H trả lại số tiền 356.300.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bị cáo H trả lại số tiền 356.300.000 đồng cho anh T.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 09 đến 10 năm tù là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo. Nên cần xử mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, Dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a Khoản 3 Điều 174, Điểm s, n Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H 07(Bảy) năm 06 tháng tù tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào Điều 48 BLHS 2015 và Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 136, Khoản 1 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về dân sự: Bị cáo H phải bồi thường cho anh T số tiền 356.300.000 đồng (*Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn*).

Khi án có hiệu lực pháp luật anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Nguyễn Ngọc H chưa thi hành trả tiền thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi quy định tại Điều 357: Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về việc thi hành khoản tiền: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 17.815,000 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

*Bị cáo, người bị hại;*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*TT lý lịch-Sở tư pháp TP Hải*

*Phòng;*

*VKSND Q. Nam Từ Liêm*

*VKSND thành phố Hà Nội*

*TAND thành phố Hà Nội*

*Công an quận Nam Từ Liêm*

*Chi cục THADS Q. Nam Từ*

*Liêm;*

*Lưu HS-VP*

**Lý Kế H**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM TỪ LIÊM THÀNH PHỐ NAM**  
**HÀ NỘI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **210/2020 /HS-ST**

Ngày: 21/9/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ  
NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lệ T

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Trần Quốc S;

- Bà Trần Thị A.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần H - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Duy Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 211/2020/HSST ngày 27/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2020/QĐXXST-HS ngày 07/9/2020, đối với bị cáo sau:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T**; **Sinh năm: 1997**; Giới tính: Nam; HKTT: Khu 1, xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn QT; Con bà: Nguyễn Thị Th; Gia đình bị cáo có 03 anh em,

bị cáo là con thứ ba; Trích lục tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 25/02/2020 Công an huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Ngọc T về hành vi: “*Gây rối trật tự công cộng*”. Hình thức phạt tiền: 750.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Danh bản số: 272, lập ngày 06/4/2020, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**Bị hại:** 1. Chị Nguyễn Thị TT; Sinh năm: 2000; HKTT: Thôn Tứ Kỳ, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 1, ngách 63, ngõ 41, Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

2. Anh Lò CT; Sinh năm: 1998; HKTT: Xã Thanh Bình, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Ngõ 105, Doãn Kế Thiện, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Phạm TA; Sinh năm: 1995; HKTT: Thôn 3, xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Số 394, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

*(Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Ngày 05/02/2020, Nguyễn Ngọc T đến gặp và thuê 01 phòng trọ của chị Hoàng Thị S (*Sinh năm: 1977; HKTT: Ngõ 252, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*) tại ngõ 252, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với giá thuê 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 01 năm. T đã đóng tiền thuê phòng trọ 01 tháng cho chị S. Do trong thời gian này, T chưa có việc làm



nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua việc đăng bài viết lên mạng xã hội về việc T có phòng trọ cho thuê, để người thuê trọ tin tưởng chuyển tiền thuê phòng, sau đó T chiếm đoạt.

Vụ thứ nhất: Ngày 16/02/2020, T thấy chị Nguyễn Thị TT (*Sinh năm: 2000; HKTT: Thôn Tứ Kỳ, xã Đông Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội*) đăng bài viết lên mạng xã hội về việc cần tìm phòng trọ nên T vào bình luận về việc có phòng cho thuê với giá 1.700.000 đồng/tháng. Chị Thủy sau đó đã hẹn gặp để xem phòng thì T đưa chị Thủy lên phòng số 1 tầng 3 nhà số 2B ngõ 34, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (*là nơi khi T đi tìm phòng trọ, T biết được tại địa chỉ trên có phòng cho thuê*). Sau khi chị Thủy đồng ý thuê thì T yêu cầu chị Thủy chuyển tiền đặt cọc thuê phòng là 1.700.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, bảy trăm nghìn đồng*) vào tài khoản số:2711205198203, chủ tài khoản: Nguyễn Ngọc T mở tại ngân hàng Agribank. Cùng ngày 16/02/2020, chị Thủy đã chuyển cho T số tiền 1.700.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, bảy trăm nghìn đồng*), nhưng do chuyển khoản khác ngân hàng nên tài khoản của T chưa nhận được tiền. Đến ngày 19/02/2020, T gọi điện thoại yêu cầu chị Thủy tiếp tục chuyển cho T số tiền 700.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm nghìn đồng*) để T giữ phòng cho chị Thủy. Chị Thủy hẹn T đến ngày 28 hoặc 29/02/2020 sẽ chuyển đến phòng trọ. Do sau đó, không liên lạc được với T nên tối ngày 28/02/2020, chị Thủy chuyển đồ đến phòng trọ thì được biết T không phải là chủ của khu nhà trọ, nên chị Thủy đã đến cơ quan Công an trình báo. Toàn bộ số tiền 2.400.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*) nhận của chị Thủy, T khai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Ngày 16/02/2020, T đăng bài viết lên mạng xã hội với nội dung: “*Có phòng trọ khép kín cho thuê, không chung chủ, giá 1.500.000 đồng/tháng, ai có nhu cầu liên hệ 0389515054*”. Sau khi đăng bài viết, cùng ngày anh Lô CT (*Sinh năm: 1998; HKTT: Xã Thanh Bình, huyện Mù Cang*

*Khương, tỉnh Lào Cai*) đã liên hệ với T để thuê phòng trọ. T sau đó đã hẹn anh Thanh đến nhà trọ do T thuê để xem phòng. Đến ngày 22/02/2020, anh Thanh liên hệ gặp T thì T đưa anh Thanh lên phòng trọ của T đang thuê tại nhà bà S và giới thiệu là phòng trọ của T đang cho thuê với giá 1.300.000 đồng/tháng. Anh Thanh đồng ý thuê và hẹn đến ngày 23/02/2020 sẽ chuyển đến thì T yêu cầu anh Thanh đặt cọc trước 1.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu đồng*). Anh Thanh đồng ý và đưa 1.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu đồng*) đặt cọc cho T. Đến ngày 23/02/2020, T gọi điện lại cho anh Thanh nói đang dọn dẹp phòng và hẹn anh Thanh đến ngày 24/02/2020 chuyển đến. Khoảng 10 giờ ngày 24/02/2020, anh Thanh chuyển đồ đến và đưa cho T số tiền 1.300.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, ba trăm nghìn đồng*), T cho lại anh Thanh 100.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng*) và thu dọn đồ đạc của mình để chuyển về quê, bàn giao phòng cho anh Thanh. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của anh Thanh là 2.200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Ngày 24/02/2020, chị Phạm TA (*Sinh năm: 1995; HKTT: Thôn 3, xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa*) lên mạng xã hội thấy bài đăng của T cho thuê nhà trọ nên đã liên hệ với T. Do lúc này T đang ở quê nên T đã nói dối chị Ánh còn phòng cho thuê nhưng sáng mai có người hẹn đến đặt cọc, nếu chị Ánh muốn thuê thì phải chuyển tiền đặt cọc cho T, chị Ánh đồng ý. Sau đó, T nhắn tin cho chị Ánh số tài khoản để chị Ánh chuyển tiền. Cùng ngày, chị Ánh chuyển tiền cho T nhưng không chuyển được nên T đã bảo chị Ánh chuyển tiền vào tài khoản của bạn T là chị Nguyễn Minh Ng (*Sinh năm: 1997; HKTT: Xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa*). Sau khi chị Ánh chuyển số tiền 1.300.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, ba trăm nghìn đồng*) cho chị Ng thì chị Ng đã rút và chuyển lại số tiền trên cho T (*chị Ng không biết mục đích của T nhờ chuyển, rút tiền hộ*). Đến ngày 25/02/2020, chị Ánh gọi hẹn gặp T để xem phòng thì T nói dối không ở gần khu trọ và sẽ gọi người ra dẫn vào xem phòng. Sau đó, T gọi điện cho anh Lò CT nhờ anh Thanh gặp và đưa chị Ánh

xem một phòng trọ khác với lý do phòng trọ T đăng bài cho thuê đang đóng cửa. Sau khi xem phòng, chị Ánh không đồng ý thuê và yêu cầu T trả lại tiền nhưng T không trả lại. Sau đó, chị Ánh biết T không phải là chủ khu nhà trọ nên đã trình báo cơ quan Công an. Ngày 26/02/2020, T liên hệ với anh Thanh để mượn máy tính xách tay, khi T đến gặp thì bị anh Thanh và chị Ánh giữ lại đưa T đến cơ quan Công an trình báo. Số tiền chiếm đoạt được, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng tạm giữ của Nguyễn Ngọc T: 01 điện thoại, nhãn hiệu Itel, màu xanh đen, gắn sim số: 0389.515.054 và 0973.255.335.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với hành vi T chiếm đoạt số tiền 1.300.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, ba trăm nghìn đồng*) của chị Ánh ngày 24/02/2020, do tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu đồng*), nên ngày 26/6/2020, Công an quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T, về hành vi: “*Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác*” theo quy định tại Nghị định số:167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, về: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, với mức phạt là: 1.500.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: T đã trả lại cho anh Lò CT số tiền: 2.200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, hai trăm nghìn đồng*), trả lại cho chị Nguyễn Thị TT số tiền: 2.400.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*), trả lại cho chị Phạm TA số tiền 1.300.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, ba trăm nghìn đồng*). Sau khi nhận lại tài sản, anh Thanh, chị Thủy và chị Ánh không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Bản Cáo trạng số: 204/CT-VKSNTL ngày 04/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc

T về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều luật quy định như sau:

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”

Tại phiên tòa:

Bị cáo T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố đối với bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T, kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo T về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đánh giá nhân thân, các tình tiết t nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo không có tiền án, có 01 tiền sự chưa hết thời hiệu, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho các bị hại, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, nên bị cáo phải chịu tình tiết t nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận bồi thường tài sản, không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước phương tiện phạm tội của bị cáo là: 01 điện thoại ITEL, màu xanh đen, đã qua sử dụng, có gắn sim số: 0973.255.335 và 0389.515.054.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy, có đủ cơ sở để xác định: Từ ngày 16/02/2020 đến ngày 24/2/2020, tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Nguyễn Ngọc T đã đưa ra thông tin gian dối, giả có phòng cho thuê để chị Nguyễn Thị TT và anh Lò CT tin tưởng đặt cọc tiền, qua đó T đã chiếm đoạt số tiền 2.400.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*) của chị Nguyễn Thị TT và số tiền 2.200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, hai trăm nghìn đồng*) của anh Lò CT. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của bị hại là: 4.600.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Bị cáo khai nhận tội. Hậu quả đã khắc phục, các bị hại không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố đối với bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân, các tình tiết t nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, có 01 tiền sự chưa hết thời hiệu, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho các bị hại, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, nên bị cáo phải chịu tình tiết t nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết t nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận bồi thường tài sản, không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình

sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện phạm tội của bị cáo là: 01 điện thoại ITEL, màu xanh đen, đã qua sử dụng, có gắn sim số: 0973.255.335 và 0389.515.054 , như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”  
Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại ITEL, màu xanh đen, đã qua sử dụng, có gắn sim số: 0973.255.335 và 0389.515.054  
(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 216, lập ngày 26/8/2020, tại Chi

cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, Khoản 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lệ T**



quận Nam Từ Liêm;

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM TỪ LIÊM THÀNH PHỐ NAM  
HÀ NỘI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2022/HSST

Ngày: 07/12/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM T PHỐ HÀ NỘI**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn V

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vương Đình Q và ông Đoàn Văn M

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Kim Y

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy D – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/12/2022, tại trụ sở TAND quận N, T phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 241/2022/HSST ngày 25/10/2022, đối với bị cáo:

**Nguyễn Công T**, sinh năm 2001; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT: Số 67, phường T, quận H, Hà Nội. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do Con ông Nguyễn Thế A và bà Vũ Thị Thu H

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 22/8/2022 bị TAND quận Tây Hồ, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt của bản án số 109/2022/HSST 22/8/2022 bị TAND quận Tây Hồ, Hà Nội – Bị cáo có mặt

**Người bị hại:** Anh Trần Quang H, sinh năm 2001 – Vắng mặt Nơi ĐKNKTT: Xóm 7, xã G, huyện G, tỉnh N.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Bị cáo bị VKSND quận N, T phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng đầu năm 2020, Nguyễn Công T do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dùng facebook. T mở 01 tài khoản Facebook lấy tên giả là “Thu Nguyễn” và đăng bài giới thiệu bản thân là nhân viên ngân hàng VP Bank, nhận làm thủ tục cho vay trả góp cho những người sử dụng thẻ ngân hàng VP Bank trên Facebook, nếu ai có nhu cầu thì liên hệ, sau đó chiếm đoạt tiền phí làm hồ sơ và tiền chứng minh thu nhập của người đăng ký vay. Ngày 17/01/2020, do đọc bài đăng của tài khoản “Thu Nguyễn” của T nên anh Trần Quang H (SN 2001, HKTT: xóm 7, xã G, tỉnh N) đã mượn tài khoản của bạn là chị Trần Thị D (SN 1990, HKTT: xã G, huyện

G, tỉnh N) mang tên “Duyên Trần” chủ động nhắn tin với tài khoản facebook “Thu Nguyễn” đề nghị được làm hồ sơ vay trả góp 60.000.000 đồng ở ngân hàng VPBank. Sau đó, anh H đã chụp ảnh chứng minh nhân dân, thẻ ngân hàng của mình gửi cho Facebook “Thu Nguyễn” theo hướng dẫn của T. Tiếp đó, T yêu cầu anh H nạp đủ số tiền 3.000.000đ vào tài khoản VPBank của mình, để chứng minh thu nhập, đảm bảo cho khoản vay và dặn khi nào ngân hàng gửi mã OTP đến số điện thoại của anh H thì gửi lại cho facebook “Thu Nguyễn”. Anh H đồng ý và ra cây ATM của ngân hàng VPBank ở số 20A1, đường L nạp tiền vào số tài khoản 193112021 của mình và về phòng trọ ở số nhà 11, ngõ 89 đường L, quận N, Hà Nội thông báo cho T đã nạp tiền xong. Đến khoảng 10 giờ 10 phút cùng ngày, anh H nhận được mã OTP từ ngân hàng đã gửi vào số điện thoại của mình, anh H liền gửi mã OTP cho facebook “Thu Nguyễn”. Khi nhận được mã OTP của anh H, T đã liên kết thẻ ATM của anh H với ví điện tử zalopay của T và tạo giao dịch rút 3.000.000đ từ thẻ của anh H chuyển đến ví điện tử của mình. Thấy anh H thắc mắc về việc tài khoản bị trừ tiền, T đã đưa ra lý do ngân hàng trừ tiền để xác minh thu nhập và do đang là cuối tuần nên ngân hàng sẽ giải ngân vào đầu tuần sau. Số tiền này sau đó T đã rút ra và chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 20/01/2022, anh H sử dụng Facebook “Duyên Trần” nhắn tin vào Facebook “Thu Nguyễn” hỏi T về việc chưa nhận được giải ngân tiền vay thì T bảo anh H phải đóng thêm 2.600.000đ để đóng bảo hiểm khoản vay nhưng anh H nói bản thân chỉ có 2.000.000đ. T đồng ý và yêu cầu anh H chuyển số tiền 2.000.000đ vào tài khoản VPBANK số 164571758 mang tên Nguyễn Công T của mình. Khoảng 15 giờ 23 phút cùng ngày, anh H đến cây ATM của ngân hàng VPBank tại 20A1, đường L, quận N, Hà Nội nạp 2.000.000đ vào tài khoản của mình và chuyển khoản đến số tài khoản 164571758 mang tên Nguyễn Công T. Sau khi nhận được tiền, T đã chặn Facebook “Duyên Trần” do anh H sử dụng và rút số toàn bộ số tiền trên và chi tiêu cá nhân hết. Sau khi biết mình bị

lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 21/1/2020, anh H đã đến công an quận N trình báo sự việc.

Tổng số tiền Nguyễn Công T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Quang H là 5.000.000đ.

Ngày 07/6/2022, Anh Trần Quang H đã được gia đình bị cáo khắc phục bồi thường số tiền 5.000.000đ. Anh H đã nhận tiền, không có yêu cầu gì khác về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Công T.

Tại bản cáo trạng số 215/CT-VKSNTL ngày 24/10/2022 của VKSND quận N, T phó Hà Nội đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS;

Kết thúc phần tranh tụng; Tại phần tranh luận, đại diện VKS đọc bản luận tội, nội dung bản luận tội đã phân tích nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo; Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 56 BLHS; Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù; Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án số 109/2022/HSST ngày 22/8/2022 của TAND quận Tây Hồ, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 42 đến 45 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Không xem xét.

Người bị hại – Anh Trần Quang H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, quá trình điều tra anh H đã có lời khai thể hiện: Do tin tưởng bị cáo nên anh đã bị T lừa đảo nhiều lần chiếm đoạt số tiền 5.000.000đ. Sau đó, gia đình bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo. Anh đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu gì thêm, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định: Lời khai nhận tội của bị cáo tại hồ sơ vụ án hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, lời khai của người bị hại và các tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng đầu năm 2020, Nguyễn Công T đã sử dụng 01 tài khoản Facebook có tên giả là “Thu Nguyễn” để đăng bài tự giới thiệu mình là nhân viên ngân hàng VP Bank, nhận làm thủ tục cho vay trả góp cho những người sử dụng thẻ ngân hàng VP Bank trên Facebook, sau đó chiếm đoạt tiền phí làm hồ sơ và tiền chứng minh thu nhập của người đăng ký vay. Bằng thủ đoạn này, T đã hai lần chiếm đoạt tiền của anh Trần Quang H với tổng số tiền 5.000.000đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 17/01/2020, tại phòng trọ ở số nhà 11, ngõ 89 đường L, quận N, Hà Nội Nguyễn Công T có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 3.000.000đ.

Lần thứ hai: khoảng 15 giờ 23 phút ngày 20/01/2020, tại số 20A1, đường L, quận N, Hà Nội, Nguyễn Công T đã có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 2.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Xét cáo trạng truy tố và lời trình bày luận tội của đại diện VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng nơi xảy ra tội phạm.

Về nhân thân của bị cáo: Trong thời gian ngắn bị cáo đã 02 lần có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Mỗi lần chiếm đoạt số tiền từ 2.000.000đ trở lên. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Mặc dù bị cáo chưa có tiền

án, tiền sự, nhưng có nhân thân không tốt, hiện đang phải chấp hành hình phạt tù của bản án số 109/2022/HSST ngày 22/8/2022 của TAND quận Tây Hồ, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá tình điều tra, bị cáo có thái độ khai báo T khẩn về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. HĐXX áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ phân tích và nhận định trên, xét cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã gây ra. Cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: HĐXX không xem xét Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố Nguyễn Công T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 56 BLHS; Điều 136, 329 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án số 109/2022/HSST ngày 22/8/2022 của TAND quận Tây Hồ, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 45 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2022.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Không xem xét

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết./.

**Nơi nhận:**

TAND, VKSND T phố Hà Nội

-VKSND cùng cấp

Thi hành án, Công an quận

Bị cáo, người bị hại

Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn V**